

**BÁO CÁO TỔNG KẾT  
CÔNG TÁC NĂM 2020 VÀ 5 NĂM 2016 - 2020,  
TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2021 NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

**Phần thứ nhất  
BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có những yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen, diễn biến phức tạp hơn so với dự báo, tác động sâu rộng đến sự phát triển của các quốc gia. Toàn cầu hóa, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song các nhân tố bất ổn nổi lên ngày càng nhiều, nhất là sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chủ nghĩa dân tộc, dân túy, chủ nghĩa đơn phương, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, biến đổi khí hậu, thiên tai và xu hướng bảo hộ, xung đột thương mại tiếp tục gia tăng đã tác động mạnh mẽ tới cục diện kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới và khu vực. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng tạo ra nguy cơ tụt hậu nếu các quốc gia đó không kịp thích ứng.

Đặc biệt, vào năm 2020 - năm cuối giai đoạn kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, đại dịch Covid-19 đã bùng phát trên toàn cầu với tốc độ lây lan rất nhanh, diễn biến khó lường và mức độ nguy hiểm chưa từng có trong lịch sử tác động mạnh mẽ tới cục diện kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới và khu vực. Đại dịch đã đẩy kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng suy thoái trầm trọng nhất kể từ Đại suy thoái 1929 - 1933, gây ra khủng hoảng nghiêm trọng về việc làm, thất nghiệp, an sinh xã hội và tác động đến trật tự kinh tế, chính trị, xã hội toàn cầu. Hầu hết các tổ chức quốc tế dự báo kinh tế toàn cầu và các quốc gia, đối tác lớn tăng trưởng âm trong năm 2020. Bối cảnh đó đặt ra những khó khăn, thách thức lớn đối với nền kinh tế nước ta trên nhiều lĩnh vực.

Trong nước, kế thừa thành tựu 30 năm đổi mới, thế và lực của đất nước ngày càng lớn mạnh nhưng nền kinh tế nước ta có độ mở lớn, hội nhập kinh tế sâu rộng, trong khi đó những hạn chế, bất cập nội tại của nền kinh tế cùng với tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất... xảy ra phức tạp, bất thường, gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất và đời sống của nhân dân; đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã tác động lớn đến nhiều hoạt động kinh tế, xã hội của đất nước.

Năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm tổ chức Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và diễn ra nhiều sự kiện

trọng đại khác của đất nước<sup>1</sup>. Kế thừa các kết quả quan trọng và toàn diện đã đạt được, phát huy mạnh mẽ tinh thần đổi mới, thành tựu tích cực trong công tác chỉ đạo điều hành từ đầu nhiệm kỳ, Bộ Công Thương đã đặt quyết tâm tiếp tục thực hiện thắng lợi mục tiêu của năm 2020 mặc dù trong bối cảnh đổi mới với nhiều khó khăn, thách thức to lớn.

## II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Quan triết phương châm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ngay từ đầu nhiệm kỳ 2016 - 2020 là “*Xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân*”; xác định ý nghĩa quan trọng, then chốt của năm 2020 và đề thực hiện Kết luận số 63-KL/TW tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH), dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2020<sup>2</sup>, ngay từ đầu năm, Bộ Công Thương đã nỗ lực tập trung triển khai thực hiện tốt nội dung các Nghị quyết của Chính phủ, các chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là tập trung xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và Dự toán NSNN năm 2020<sup>3</sup>; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020<sup>4</sup>; Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.... Trong đó, đã xác định những nội dung công việc, thời gian hoàn thành cụ thể để từ đó phân giao trách nhiệm cho từng đồng chí Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trên tinh thần nhấn mạnh vai trò trách nhiệm của người đứng đầu, tích cực triển khai các biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường.

Cùng với đó, Bộ đã thường xuyên tổ chức các hội nghị giao ban hàng tháng, hàng quý về tình hình sản xuất, kinh doanh công nghiệp và hoạt động thương mại; xây dựng kịch bản tăng trưởng cho từng ngành, từng lĩnh vực phụ trách để làm cơ sở điều hành, triển khai thực hiện và đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện chương trình công tác của Chính phủ và Bộ đã đề ra; chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng thể chế, đẩy mạnh việc soạn thảo và trình ban hành các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn

---

<sup>1</sup> 90 năm thành lập Đảng, 75 năm thành lập nước, 130 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 90 năm ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc.

<sup>2</sup> Số 85/2019/QH14 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; số 86/2019/QH14 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

<sup>3</sup> Quyết định số 108/QĐ-BCT ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP.

<sup>4</sup> Quyết định số 109/QĐ-BCT ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Công Thương thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP.

thi hành Luật, Pháp lệnh; Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo; tăng cường kiểm tra đôn đốc việc triển khai thực hiện các công việc được giao, các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án đã ban hành; Thực hiện nguyên tắc bám sát cơ sở, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, xử lý các vướng mắc khó khăn phát sinh ở địa phương, doanh nghiệp.

Năm 2020, trước những diễn biến phức tạp, nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, hưởng ứng Lời kêu gọi của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã chỉ đạo các đơn vị thống nhất quan điểm điều hành trong tình hình mới, đó là quyết tâm thực hiện "*mục tiêu kép*": *vừa quyết liệt phòng chống dịch với tinh thần "chống dịch như chống giặc", vừa tập trung phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân*. Trong đó, kiểm soát dịch bệnh là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, quan trọng nhất nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo đảm ổn định, an toàn xã hội; đồng thời thực hiện hiệu quả các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đối với nền kinh tế, duy trì và phục hồi sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân.

Bộ Công Thương đã kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, trong đó có những nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính căn cơ lâu dài để giảm thiểu thiệt hại của dịch bệnh, bảo đảm đời sống nhân dân, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tận dụng các cơ hội thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi, cơ cấu lại nền kinh tế phù hợp với tình hình mới, xu thế mới và cơ hội mới.

Đồng thời, Bộ Công Thương đã tập trung chỉ đạo thực hiện và triển khai linh hoạt, hiệu quả các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tham gia tích cực vào các diễn đàn khu vực và quốc tế quan trọng, đóng góp vai trò quan trọng trong việc đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 và Ủy viên Không Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021<sup>5</sup> trong bối cảnh dịch Covid-19. Tích cực thúc đẩy đàm phán, ký kết, phê chuẩn và triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) với các đối tác, trong đó có các hiệp định tiêu chuẩn cao, thị trường rộng lớn là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã tạo ra nhiều động lực mới cho phát triển đất nước, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, góp phần nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế. Đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, với vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, đã thúc đẩy các nước tham gia đàm phán, ký kết Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP) theo

---

<sup>5</sup> Số phiếu bầu kỷ lục 192/193, thể hiện sự tín nhiệm cao của cộng đồng quốc tế.

hình thức trực tuyến, góp phần hỗ trợ quá trình phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 và đẩy mạnh tiến trình xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025, mở ra triển vọng thịnh vượng chung cho các nước thành viên ASEAN.

Với những nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành, cùng với sự phối hợp tích cực, hiệu quả của các địa phương và đặc biệt là sự nỗ lực, chủ động, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp, ngành Công Thương đã vượt qua khó khăn, thử thách và đạt được những kết quả tích cực, toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, tạo dấu ấn nổi bật trong năm 2020 và 5 năm 2016 - 2020.

## **Phần thứ hai**

### **ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT CÔNG TÁC CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG NĂM 2020 VÀ 5 NĂM 2016-2020**

#### **I. Về sản xuất công nghiệp**

##### **1. Kết quả đạt được**

Năm 2020, trong khi phần lớn các nước có mức tăng trưởng âm hoặc đi vào trạng thái suy thoái do tác động của dịch Covid-19 nhưng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tăng 2,91%, thuộc nhóm cao nhất khu vực và thế giới, là một trong số ít nước tăng trưởng dương ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất trong bối cảnh dịch bệnh. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2016 - 2020 đạt 5,99% và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới.

- Sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng dương. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2020, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp cả năm tăng 3,36% so với năm trước<sup>6</sup>, cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. (Quý I tăng 5,1%; quý II tăng 1,1%; quý III tăng 2,34%; quý IV tăng 4,80%).

Tính chung 5 năm, giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp (VA công nghiệp theo giá so sánh 2010) tăng từ 810,438 nghìn tỷ đồng năm 2015 lên 1.145,437 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị gia tăng (VA) trong công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 ước tăng 7,16%, cao hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra cho giai đoạn đến năm 2020 là 6,5 - 7,0%/năm.

- Quy mô sản xuất công nghiệp liên tục được mở rộng. Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển, góp phần thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước phát triển sản xuất công nghiệp, nhất là các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, có giá trị gia tăng cao. Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP của toàn

---

<sup>6</sup> Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp các năm 2011-2020 lần lượt là: 9,46%; 8,20%; 4,93%; 6,32%; 9,39%; 7,06%; 7,85%; 8,79%; 8,86%; 3,36%.

ngành công nghiệp tăng từ 7,4% năm 2016 lên 9,1% năm 2019. Bước sang năm 2020, ngành công nghiệp Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19, IIP cả năm 2020 tăng 3,4% so với năm 2019. Trong đó: ngành khai khoáng giảm 7,8%; ngành chế biến, chế tạo tăng 4,9%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,1%; ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý, xử lý rác thải, nước thải tăng 4,3%.

- *Quá trình tái cơ cấu ngành công nghiệp ngày càng đi vào chiều sâu hơn với xu hướng chuyển dịch khá rõ và rất tích cực theo đúng định hướng tái cơ cấu ngành. Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp.*

+ Về chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trong tổng thể nền kinh tế: Tỷ trọng công nghiệp trong GDP tăng liên tục từ 27,1% năm 2016 lên 28,5% vào năm 2019. Năm 2020 tỷ trọng thấp hơn năm 2019 (đạt 27,54%) do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Nếu tính cả xây dựng thì tỷ trọng trong GDP tăng từ 32,7% năm 2016 lên 34,5% năm 2019 và ước đạt 33,7% năm 2020, đạt mục tiêu Kế hoạch (30 - 35%<sup>7</sup>).

+ Về chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp: Cơ cấu nội ngành công nghiệp chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng và từ các ngành thâm dụng lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao. Cụ thể:

Tỷ trọng nhóm ngành khai khoáng trong GDP liên tục giảm (từ 9,1% năm 2010 xuống còn khoảng 8,1% năm 2016 và 6,72% năm 2019 và ước chỉ còn 5,55% năm 2020).

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã trở thành động lực tăng trưởng chính của toàn ngành công nghiệp. Năm 2020, công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%<sup>8</sup> (quý I tăng 7,12%; quý II tăng 3,38%; quý III tăng 3,86%; quý IV tăng 8,63%). Xét cả giai đoạn 2016 - 2020, nhóm ngành này liên tục được mở rộng và chiếm tỷ trọng cao nhất trong các ngành công nghiệp với đóng góp trong GDP tăng liên tục qua các năm (tăng từ 14,27% năm 2016 lên 16,48% vào năm 2019 và ước đạt 16,7% vào năm 2020).

Nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo phát triển tích cực phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành, các ngành công nghiệp chủ lực (như điện tử, dệt may, da giày...) tăng trưởng ở mức cao, là yếu tố chính đóng góp vào phát triển của ngành công nghiệp Việt Nam; tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội (bình quân mỗi năm tạo thêm khoảng 300.000 việc làm), nâng thứ hạng về năng lực

---

<sup>7</sup> Mục tiêu này ban đầu được đặt ra là 42-43% theo Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương và sau đó điều chỉnh xuống còn 30-35% theo Kế hoạch cơ cấu lại ngành Công nghiệp.

<sup>8</sup> Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo các năm 2011-2020 lần lượt là: 14,08%; 9,05%; 7,22%; 7,41%; 10,60%; 11,90%; 14,40%; 12,98%; 11,29%; 5,82%.

cạnh tranh của công nghiệp Việt Nam.

- Công nghiệp hỗ trợ được quan tâm, thúc đẩy tăng cường liên kết, nâng cao sự vững chắc trong chuỗi cung ứng cho những ngành sản xuất chủ lực của Việt Nam như dệt may, da giày, điện tử, công nghiệp chế biến nông sản... Bước đầu hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ và gia tăng tỷ lệ nội địa hóa; Cơ cấu sản phẩm có sự dịch chuyển tích cực khi tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và vừa của Việt Nam đã tăng lên đáng kể, tạo cơ sở hình thành một số tập đoàn công nghiệp tư nhân có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế; điển hình là công nghiệp ô tô Việt Nam, lần đầu tiên khẳng định sự tự chủ trong đầu tư, sản xuất, làm chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu qua chế biến trong tổng giá trị xuất khẩu tăng từ 65% năm 2016 lên 85% năm 2020; Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao tăng từ 44,3% năm 2016 lên 49,8% năm 2020.

Bộ Công Thương đã và đang phối hợp chặt chẽ với một số doanh nghiệp FDI đa quốc gia (như Samsung, Toyota...) tăng cường tìm kiếm, kết nối các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu, linh phụ kiện trong nước đủ khả năng sản xuất thay thế nguồn nhập khẩu trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn. Số lượng nhà cung ứng cấp 1 của Samsung tăng từ 35 doanh nghiệp năm 2018 lên 42 doanh nghiệp, số lượng nhà cung ứng cấp 2 cũng tăng từ 157 doanh nghiệp năm 2018 lên 170 doanh nghiệp; Đến nay cũng có thêm 03 doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn tham gia chuỗi cung ứng của Toyota. Đồng thời, Bộ Công Thương đã xây dựng và chính thức khai trương hệ thống cơ sở dữ liệu ngành công nghiệp chế biến chế tạo và công nghiệp hỗ trợ, là đầu mối quan trọng nhằm giải quyết nhu cầu hình thành mạng lưới kết nối B2B trong và ngoài nước, giúp các doanh nghiệp, nhà đầu tư tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, chính xác, đáp ứng nhu cầu kết nối đầu tư, tăng cường cơ hội hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp FDI, các tập đoàn đa quốc gia. Đã xây dựng, báo cáo Chính phủ ban hành nhiều chính sách có hiệu quả để phát triển công nghiệp hỗ trợ như: Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016 - 2025; Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ; triển khai xây dựng các Trung tâm Kỹ thuật nhằm hỗ trợ đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp công nghiệp nói riêng và doanh nghiệp CNHT nói chung (theo mô hình của Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan) để nâng cao năng lực về kỹ thuật, quản trị cho doanh nghiệp nội địa, đáp ứng các yêu cầu của các Tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp FDI và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Ngành điện đã đảm bảo tốt cân đối điện phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, an ninh quốc phòng và sinh hoạt của người dân. Ngành luôn đảm bảo cung cấp đủ điện an toàn, tin cậy, đưa vào vận hành khối lượng lớn các dự án nguồn và lưới điện. Công tác đưa điện về nông thôn, miền núi hải đảo được chú trọng và thực hiện vượt chỉ tiêu của Đảng và Chính phủ giao, góp phần quan trọng thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, giữ ổn định chính trị, an ninh, chủ quyền biên giới biển đảo. Chỉ số tiếp cận

điện năng Việt Nam có bước tiến vượt bậc, từ vị trí 156/189 quốc gia vùng lãnh thổ (năm 2013) vươn lên vị trí 27/190 và đứng thứ 4 trong khu vực ASEAN vào năm 2019. Thị trường điện cạnh tranh tích cực được triển khai, đáp ứng lộ trình quy định của Chính phủ, qua đó, tạo môi trường cạnh tranh công bằng trong đầu tư phát triển nguồn điện, phân phối điện, đảm bảo việc định giá khâu mua bán buôn điện theo cơ chế thị trường, phản ánh đúng các biến động chi phí đầu vào cũng như quy luật cung - cầu.

Năm 2020, Tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu cả năm ước đạt gần 237,561 tỷ kWh, tăng 3,43% so với năm 2019. Tính chung cả giai đoạn 2016 - 2020, tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu ước đạt 1.049,3 tỷ kWh, tăng trưởng trung bình trong cả giai đoạn là 8%.

Chương trình phát triển lưới điện thông minh được triển khai rộng rãi đã giúp nâng cao chất lượng điện năng, độ tin cậy cung cấp điện ngày càng tốt hơn, tỷ lệ điện năng tổn thất do truyền tải và phân phối giảm từ 7,94% năm 2015 xuống còn xấp xỉ 6,5% năm 2020.

*Hạ tầng cung cấp điện được đầu tư khá đồng bộ, đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, nhiều công trình lớn (trên 1.000 MW) được hoàn thành<sup>9</sup>.* Tính đến hết năm 2020, tổng công suất đặt của hệ thống điện quốc gia đạt 54.677 MW, tăng 1,32 lần so với năm 2016.

Năng lượng tái tạo được quan tâm phát triển, tạo đột phá trong việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo tồn tài nguyên năng lượng, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường và biến đổi khí hậu trong sản xuất điện. Trong giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam đạt được bước phát triển đột phá về năng lượng tái tạo. Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời của Chính phủ đã tạo động lực mạnh mẽ, thu hút các nhà đầu tư tham gia sản xuất điện mặt trời. Tới cuối năm 2020, tổng công suất các nguồn điện từ năng lượng tái tạo của Việt Nam đã đạt khoảng 6.000 MW, trong đó có khoảng 6.364 MWp điện mặt trời (tương ứng khoảng 5.290 MW), khoảng 500 MW điện gió và 325 MW công suất điện sinh khối; tổng công suất của điện gió, điện mặt trời và điện sinh khối đã chiếm xấp xỉ 10% tổng công suất đặt của hệ thống điện; sản lượng điện năng cung cấp từ các nguồn năng lượng tái tạo đã tăng dần từ mức không đáng kể là 320 triệu kWh, chiếm khoảng 0,41% toàn hệ thống năm 2016 lên khoảng 8 tỷ kWh, chiếm 2,53% toàn hệ thống vào năm 2020.

Việc quy hoạch nguồn NLTT được thực hiện tổng thể toàn quốc và đồng bộ giữa nguồn và lưới điện, trong quy hoạch xác định quy mô công suất và tiến độ vào vận hành của từng dự án. Vấn đề quá tải lưới điện cơ bản được giải quyết, hết năm 2020, khi hoàn thành đưa vào vận hành các công trình lưới điện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận (như TBA 220 kV Phan Rí, TBA 220

---

<sup>9</sup> Như: Mông Dương 1 công suất 1.000MW (năm 2016); Duyên Hải 1 công suất 1.200MW (năm 2016); Duyên Hải 3 công suất 1.200MW (năm 2017); Vĩnh Tân 4 công suất 1.200 MW (năm 2017). Đồng thời, đưa điện lưới ra các đảo Phú Quốc, Lý Sơn, Cù Lao Chàm, Cô Tô, Vân Đồn...

kV Ninh Phước, mạch 2 đường dây 110 kV Tháp Chàm - Tuy Phong - Phan Rí, ...), đặc biệt là trạm biến áp 500 kV Thuận Nam và các đường dây 500 kV, 220 kV đầu nối sẽ đảm bảo giải tỏa công suất các dự án điện năng lượng tái tạo.

- *Ngành Dầu khí tiếp tục đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.* Công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trên biển Đông đã góp phần quan trọng bảo vệ chủ quyền biển đảo của tổ quốc. Với việc tiếp tục khai thác mỏ hiện hữu, phát triển các mỏ dầu khí mới, hoàn thành công tác xây dựng, vận hành ổn định các công trình vận chuyển và chế biến dầu khí, ngành dầu khí đã hoàn thành chuỗi giá trị từ khâu tìm kiếm, thăm dò và khai thác, chế biến dầu khí và dịch vụ dầu khí chất lượng cao.

Năm 2020, đã hoàn thành, đưa cụm công trình, gồm: Dự án Phát triển mỏ khí Sao Vàng - Đại Nguyệt, Lô 05-1b&05-1c; Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí Sao Vàng - Đại Nguyệt; Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 toàn tuyến đi vào vận hành (có dòng khí đầu tiên vào ngày 15/11/2020). Với sản lượng mỗi năm khoảng 1,5 tỷ m<sup>3</sup> khí; 2,8 triệu thùng dầu thô và condensate, nguồn khí Sao Vàng - Đại Nguyệt sẽ đóng góp một nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước và nền kinh tế, bổ sung nguồn khí tự nhiên cho khu vực Đông Nam bộ. Ngoài ra, tháng 7 năm 2020, Nhà thầu Eni (Italia) đã hoàn thành giếng thăm lượng 114-Ken Bau-2X (sau khi có kết quả khoan giếng 114-Ken Bau-1X vào năm 2019) ở độ sâu 3.690 mMD với phát hiện dầu khí trữ lượng rất lớn tại mỏ khí Kèn Bầu (ước tính sơ bộ từ 7- 9 nghìn tỉ feet khối khí tự nhiên, tương đương khoảng 200 - 250 tỷ m<sup>3</sup>, bao gồm cả khí trơ), góp phần hoàn thành kế hoạch gia tăng trữ lượng dầu khí năm 2020. Dự kiến mỏ khí Kèn Bầu có thể đưa vào phát triển khai thác trong giai đoạn năm 2025 - 2030, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng cho quốc gia.

Tác động kép từ dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu trong năm 2020 đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của ngành dầu khí nói chung và PVN nói riêng, trong đó các lĩnh vực: tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí; chế biến dầu khí và phân phối sản phẩm xăng dầu; dịch vụ dầu khí, chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề nhất. Tuy nhiên, ngành đã đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt ra. Tổng sản lượng khai thác quy dầu dự kiến cả năm đạt 20,5 triệu tấn, vượt 0,7% kế hoạch năm (kế hoạch cả năm là đạt 10 - 15 triệu tấn), trong đó: Sản lượng khai thác dầu thô cả năm đạt 11,47 triệu tấn, vượt 8% kế hoạch năm; Sản lượng khai thác khí đạt 9,03 tỷ m<sup>3</sup>, bằng 92,7% kế hoạch năm.

Tính chung cả giai đoạn, gia tăng trữ lượng dầu khí 5 năm 2016 - 2020 ước đạt 56,26 - 61,26 triệu tấn quy dầu, trung bình đạt 11,2 - 12,4 triệu tấn quy dầu/năm, bằng 100% kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 (10 - 30 triệu tấn quy dầu/năm). Tổng sản lượng khai thác dầu khí 5 năm 2016 - 2020 ước đạt 120,87 triệu tấn quy dầu, bằng 100% so với kế hoạch 5 năm.

- *Ngành Than* đã cơ bản hoàn thành mục tiêu tổng quát là xây dựng, trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, đồng bộ từ khâu thăm dò, khai thác,



vận chuyển, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; cơ bản hoàn thành các mục tiêu quy hoạch, kế hoạch đề ra. Than sản xuất trong nước chủ yếu được cân đối cho các ngành kinh tế trong nước (đặc biệt là cung cấp đủ than cho sản xuất điện) để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; ngoài ra, còn dành một phần hợp lý để xuất khẩu nhằm giúp ngành Than khai thác được các nguồn tín dụng dài hạn nước ngoài, có thêm nguồn ngoại tệ để phục vụ nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất. Tính chung cả giai đoạn 2016 - 2020: Sản xuất than sạch tăng từ 38,7 triệu tấn vào năm 2016 lên khoảng 48,17 triệu tấn vào năm 2020; tiêu thụ than sản xuất trong nước tăng từ 41,1 triệu tấn vào năm 2016 lên trên 47,2 triệu tấn vào năm 2020.

- *Ngành dệt may* đã nhanh chóng thích nghi với các điều kiện thị trường, đảm bảo duy trì sản xuất, kịp thời chuyển đổi cơ cấu mặt hàng, bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định cho hàng triệu người lao động. Năm 2020, dưới tác động tiêu cực của dịch Covid-19 từ cả phía cung và phía cầu, dệt may là một trong những ngành chịu thiệt hại trực tiếp lớn nhất cùng với ngành du lịch, hàng không, da giày. Với sự sụt giảm nhu cầu tiêu thụ của thị trường Mỹ và châu Âu trong bối cảnh thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cũng đã tác động rất lớn đến tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam (thị trường Mỹ và châu Âu lần lượt chiếm khoảng 45% và 18% kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may). Kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành dệt may năm 2020 ước đạt 35,27 tỷ USD, giảm 9,29% so với năm 2019. Tuy nhiên, đây vẫn là mức rất tích cực trong bối cảnh tổng cầu dệt may thế giới giảm 25%.

Trong giai đoạn vừa qua, ngành dệt may Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc, tận dụng tốt các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết như: FTA Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam - EAEU, CPTPP, EVFTA... Năm 2016, kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam đạt 28,1 tỷ USD, nhưng đến năm 2019 đã đạt 38,9 tỷ USD, tăng trưởng bình quân đạt 9,55%. Đặc biệt, giá trị xuất siêu có sự tăng nhanh: năm 2016 đạt 11,1 tỷ USD, năm 2019 đạt 16,9 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu của dệt may Việt Nam từ chỗ năm 2016 đứng thứ 4 thế giới, sau Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ thì đến năm 2019 đã vượt lên trên Ấn Độ, đứng thứ 3 thế giới.

- *Ngành da - giày*: Tương tự như đối với ngành dệt may, trong năm 2020, ngành da - giày cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn do tác động của dịch Covid-19, nhất là khi các nước là thị trường xuất khẩu lớn của ngành da giày như Mỹ và EU (thị trường Mỹ và châu Âu lần lượt chiếm khoảng 36% và 27% kim ngạch xuất khẩu giày dép của Việt Nam) tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp. Nếu như năm 2019, xuất khẩu giày dép, túi xách Việt Nam đạt 22 tỷ USD (tăng 12% so với năm 2018), thì năm 2020 dự kiến kim ngạch xuất khẩu ngành da giày đạt khoảng 20 tỷ USD, giảm khoảng 2 tỷ USD so với 2019 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

## **2. Một số hạn chế, tồn tại**

- *Phát triển công nghiệp nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chưa có ngành công nghiệp mũi nhọn đóng vai trò dẫn dắt và có sức cạnh tranh quốc tế cao. Sản xuất công nghiệp chủ yếu là gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng thấp. Năng lực sản xuất công nghiệp nội tại của nền kinh tế còn hạn chế và phụ thuộc vào các doanh nghiệp FDI; sản xuất trong nước chưa đáp ứng nhu cầu dẫn đến nhập khẩu tiếp tục gia tăng, đặc biệt là nhập khẩu phục vụ sản xuất cho xuất khẩu. Việt Nam vẫn phải tiếp tục nhập khẩu lớn máy móc thiết bị, phụ tùng và nguyên phụ liệu cho sản xuất các ngành công nghiệp trong nước (chiếm tỷ trọng từ 40 - 50% trong tổng kim ngạch nhập khẩu qua các thời kỳ).*

- *Mức độ liên kết và hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong cùng một ngành và giữa các ngành còn hạn chế, chưa tạo được nhiều môi liên kết phát triển giữa các ngành theo hướng hợp tác chuyên môn hoá phù hợp với cơ chế thị trường. Nhiều doanh nghiệp đầu tư khép kín, chưa phối hợp năng lực sẵn có với các doanh nghiệp khác để tăng nội lực cho ngành và đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn. Điều này một mặt làm tăng chi phí đầu tư cho sản xuất, mặt khác gây lãng phí năng lực chung của toàn ngành, tạo ra những cạnh tranh không đáng có giữa các doanh nghiệp trong ngành.*

- *Vốn đầu tư vào khu vực công nghiệp đa số tập trung vào các ngành có thời gian hoàn vốn ngắn như công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến thực phẩm, số dự án đầu tư vào công nghệ cao chưa nhiều.*

- *Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp xuất khẩu trong nước dẫn đến tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành công nghiệp đạt thấp, giá trị gia tăng tạo ra trong nước không cao. Ví dụ như ngành cơ khí mới chỉ đáp ứng khoảng hơn 32% nhu cầu sản phẩm cơ khí, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao, tính cạnh tranh của sản phẩm còn kém, gần như chưa có sản phẩm công nghiệp chủ lực trong ngành cơ khí.*

- *Việc lập và thực hiện quy hoạch điện vẫn còn bất cập. Nhiều dự án nguồn điện chậm tiến độ so với quy hoạch làm ảnh hưởng lớn tới việc đảm bảo cung ứng điện. Tổng công suất các nguồn điện truyền thống có thể đưa vào vận hành trong giai đoạn 2016 - 2020 chỉ đạt gần 60% so với quy hoạch. Xảy ra tình trạng mất cân đối nguồn cung điện giữa các vùng miền. Ở miền Bắc và miền Trung thừa cung, trong khi đó, ở miền Nam nguồn cung chỉ đáp ứng được khoảng 80% nhu cầu.*

- *Nguồn điện từ năng lượng tái tạo phát triển nhanh nhưng hệ thống truyền tải điện để giải tỏa công suất phát triển chưa đồng bộ. Một số dự án điện (chủ yếu điện mặt trời) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, với tổng công suất khoảng 690 MW đã phải hạn chế một phần công suất phát. Đến cuối năm 2020, khi các công trình lưới điện truyền tải đang thi công tại khu vực này được đưa vào vận hành thì tình trạng này mới được giải quyết.*

- *Việc đảm bảo nhiên liệu cho phát điện phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Ước tính cần nhập khoảng 60 triệu tấn than và 12 triệu tấn LNG vào năm 2030.*

Việc nhập khẩu năng lượng sơ cấp với khối lượng lớn nếu không có chiến lược phù hợp có thể tiềm ẩn rủi ro cho an ninh năng lượng.

- Huy động vốn cho các dự án điện gặp nhiều khó khăn. Trung bình mỗi năm nhu cầu vốn đầu tư cho nguồn và lưới điện khoảng 8 - 10 tỷ USD. Nhiều tập đoàn nhà nước gặp khó khăn về tài chính nên việc huy động vốn cho các dự án của các doanh nghiệp này cũng gặp khó khăn. Các dự án nguồn điện do tư nhân và nhà đầu tư nước ngoài cũng gặp khó khăn do yêu cầu cao từ các bên cho vay (bảo lãnh Chính phủ, chuyển đổi ngoại tệ ...).

## **II. Về hoạt động xuất nhập khẩu**

Giai đoạn 2016 - 2020, kinh tế thế giới có nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến tăng trưởng xuất khẩu. Xung đột thương mại Mỹ - Trung bắt đầu từ tháng 4 năm 2018 và diễn biến leo thang căng thẳng đã tác động mạnh đến thương mại toàn cầu, trong đó Việt Nam là một nền kinh tế có độ mở cao.

Từ đầu năm 2020, dịch Covid-19 bùng phát và hiện vẫn chưa được kiểm soát, đã tác động nặng nề đến kinh tế, thương mại toàn cầu. Trước bối cảnh giảm sút trong tổng cầu của kinh tế thế giới, hoạt động thương mại và đầu tư thế giới suy giảm, song xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2020 vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng dương thể hiện sự nỗ lực rất lớn của Chính phủ, các Bộ, ngành và đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp. Hoạt động xuất nhập khẩu trong cả giai đoạn 2016-2020 đã đạt những kết quả tích cực, đáng khích lệ với điểm nổi bật là xuất khẩu tăng trưởng cao và liên tục; công tác phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu đạt hiệu quả cao.

### **1. Những kết quả đạt được**

**1.1. Về xuất khẩu:** Kết thúc năm 2020, về cơ bản các mục tiêu đề ra trong Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 đều đạt được. Tăng trưởng xuất khẩu vượt mức kế hoạch đề ra.

- *Về quy mô xuất khẩu:* Năm 2020, trong bối cảnh kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề từ Covid-19, xuất khẩu của các nước trong khu vực đều giảm so với năm trước, xuất khẩu của Việt Nam vẫn đạt được mức tăng trưởng dương, kim ngạch xuất khẩu ước đạt gần 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019.

Như vậy, kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 tăng từ 176,58 tỷ USD năm 2016 lên gần 281,5 tỷ USD. Tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình khoảng 11,7%/năm, cao hơn mục tiêu 10% đề ra tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.

- *Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực,* giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, phù hợp với lộ trình thực hiện Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Khác với các năm trước đây, động lực tăng trưởng xuất khẩu trong 2 năm qua

không đến từ nhóm nông sản, thủy sản mà đến từ các mặt hàng thuộc nhóm công nghiệp. Cụ thể, trong khi xuất khẩu nhóm nông sản, thủy sản năm 2020 ước giảm 2,5%; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản giảm 35% thì nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng 7% so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm trên 86,1% tổng kim ngạch xuất khẩu, cao hơn mức 84,2% của năm 2019; 82,9% của năm 2018 và 81,1% của năm 2017. Điều này thể hiện những nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hội nhập kinh tế quốc tế đã thực sự tác động, tạo thuận lợi và cơ hội cho sản xuất và hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

- *Quy mô các mặt hàng xuất khẩu tiếp tục được mở rộng.* Số mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu từ 1 tỷ USD trở lên đã tăng qua các năm, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Năm 2011 có **21 mặt hàng** có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 81% tổng kim ngạch xuất khẩu; năm 2016 tăng lên thành **25 mặt hàng** với tỷ trọng chiếm khoảng 88,7%. Đến năm 2020 là **31 mặt hàng** (trong đó có 9 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD và 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD), chiếm tỷ trọng 92% tổng kim ngạch xuất khẩu.

- *Thị trường xuất khẩu, nhập khẩu được mở rộng, không chỉ tăng cường ở các thị trường truyền thống mà còn khai thác được các thị trường mới, tiềm năng và tận dụng hiệu quả các FTA.* Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã vươn tới hầu hết các thị trường trên thế giới, nhiều sản phẩm đã dần có chỗ đứng vững chắc và nâng cao được khả năng cạnh tranh trên nhiều thị trường có yêu cầu cao về chất lượng như EU, Nhật Bản, Mỹ, Úc...

Đối với năm 2020, ngay từ những tháng đầu năm, khi dịch bệnh chủ yếu bùng phát ở Trung Quốc, Bộ Công Thương đã kịp thời đề xuất, tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 224/CD-TTg ngày 12/2/2020 về khơi thông hoạt động xuất nhập khẩu qua một số cửa khẩu biên giới đất liền với Trung Quốc. Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Y tế và các địa phương xây dựng quy trình quản lý thông quan đảm bảo kiểm soát tốt dịch bệnh; chủ động điện đàm với Lãnh đạo các Bộ ngành địa phương Trung Quốc để tăng thời gian thông quan, bổ sung nhân lực bốc dỡ... từ đó giúp hoạt động thương mại biên giới được triển khai thuận lợi hơn; chủ trì họp với các Bộ, ngành (Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Hải quan) và địa phương để trao đổi những vấn đề phát sinh trong thương mại biên giới Việt Nam - Trung Quốc, tổng hợp báo cáo và đề xuất Thủ tướng Chính phủ các biện pháp tháo gỡ. Qua đó, từ chỗ hàng hóa xuất khẩu của ta bị ùn ứ với khối lượng lớn thì ngay sau đó đã cơ bản được thông suốt. Tiếp đó, khi dịch bệnh lan rộng và diễn biến phức tạp ở Hàn Quốc, Nhật Bản và sau đó là khu vực EU, Hoa Kỳ và cả thế giới, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương và các Bộ ngành đã chủ động có phương án vừa tháo gỡ những khó khăn trước mắt, bảo đảm tốt nguồn cung cho sản xuất trong nước, khơi thông thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, Quốc hội đã hoàn tất việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU (EVIPA) ngay trong kỳ họp tháng 6 năm 2020 để đưa vào thực thi từ

tháng 8 năm 2020. Ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, với Kế hoạch thực thi Hiệp định đã được Chính phủ chỉ đạo xây dựng kỹ lưỡng từ trước đó, các Bộ ngành, địa phương và đặc biệt là các hiệp hội ngành hàng và cộng đồng doanh nghiệp đã bắt tay ngay vào triển khai thực hiện và đạt kết quả rất tích cực.

Việt Nam đã xuất siêu chủ yếu vào thị trường các nước phát triển, có yêu cầu khắt khe về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu như Hoa Kỳ (xuất siêu gần 62,7 tỷ USD); EU (xuất siêu gần 20,3 tỷ USD). Riêng đối với thị trường EU, cả năm 2020, xuất khẩu sang thị trường EU 34,94 tỷ USD giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2019 do các tác động của đại dịch. Tuy nhiên, sau 5 tháng thực thi Hiệp định EVFTA, xuất khẩu sang thị trường EU đạt khoảng 15,38 tỷ USD, tăng khoảng 1,6% so với cùng kỳ năm 2019. Nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực tại thị trường EU sau khi Hiệp định EVFTA được thực thi, điển hình như thủy sản, tôm, gạo...

Kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực đến hết ngày 18 tháng 12 năm 2020, các tổ chức được uỷ quyền đã cấp gần 62.500 bộ chứng nhận xuất xứ (C/O) để hưởng ưu đãi tại thị trường EU với kim ngạch 2,35 tỷ USD. Các mặt hàng đã được cấp C/O chủ yếu là giày dép, thủy sản, nhựa và các sản phẩm cà phê, hàng dệt may, túi xách, va li, rau quả, sản phẩm mây, tre, đan; nông sản; hàng điện tử... Điều này cho thấy, hiệu quả khai thác lợi ích ngay sau khi Hiệp định được đưa vào thực thi là rất tốt.

Đối với thị trường các nước CPTPP, kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường là thành viên CPTPP đạt mức tăng tích cực. Năm 2020, xuất khẩu sang Canada duy trì mức tăng trưởng dương, đạt 4,35 tỷ USD, tăng 11,9%; xuất khẩu sang Mexico đạt 3,17 tỷ USD, tăng 12,2%...

**1.2. Về nhập khẩu:** Cùng với việc thúc đẩy xuất khẩu, trong những năm gần đây chúng ta đã tiếp tục thực hiện tốt khâu kiểm soát nhập khẩu.

- *Về quy mô nhập khẩu:* Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tăng từ 174,8 tỷ USD năm 2016 lên 253,4 tỷ USD năm 2019 và đạt khoảng 262,4 tỷ USD vào năm 2020 tăng 3,6% so với năm 2019. Tăng trưởng nhập khẩu giai đoạn 2016-2020 đạt trung bình 9,6%/năm. Như vậy, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của kim ngạch nhập khẩu trong giai đoạn này thấp hơn so với tốc độ tăng bình quân của kim ngạch xuất khẩu, đạt mục tiêu Chiến lược đề ra.

- *Về cơ cấu mặt hàng nhập khẩu:* Kiểm soát nhập khẩu được thực hiện tốt. Theo đó, nhóm hàng cần hạn chế nhập khẩu đã tăng trưởng chậm lại. Nhập khẩu tập trung chủ yếu ở nhóm hàng cần thiết phục vụ sản xuất, xuất khẩu và phục vụ các dự án đầu tư trong nước. Nhập khẩu của nhóm hàng hóa phục vụ sản xuất để xuất khẩu và hàng hóa thiết yếu luôn chiếm gần 89%; nhập khẩu của nhóm hàng không khuyến khích nhập khẩu chỉ chiếm dưới 6,27%.

### **1.3. Cán cân thương mại**

Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng ổn định trong hoạt động xuất nhập khẩu với việc tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm thứ hai liên tiếp đạt

mức trên 500 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tăng 1,6 lần từ 327,8 tỷ USD năm 2015 lên khoảng 517,7 tỷ USD năm 2019 và năm 2020 mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 vẫn đạt khoảng 543,9 tỷ USD.

Cán cân thương mại hàng hóa đạt thặng dư trong toàn bộ thời kỳ Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 với mức xuất siêu năm sau tăng cao hơn năm trước, qua đó đóng góp lớn vào tăng trưởng GDP, tạo công ăn việc làm, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản hàng hóa cho người nông dân. Xuất siêu giúp nâng cao dự trữ ngoại hối, ổn định tỷ giá và ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2020, xuất siêu ghi nhận mức kỷ lục gần 19,1 tỷ USD. Mức thặng dư năm 2020 cao hơn mức thặng dư năm 2019 (10,87 tỷ USD), cao hơn mức thặng dư năm 2018 (6,83 tỷ USD), gấp hơn 9 lần so với mức thặng dư năm 2017 (2,11 tỷ USD) và gấp gần 11 lần so với mức thặng dư năm 2016 (1,78 tỷ USD).

## ***2. Những vấn đề còn tồn tại, khó khăn***

- Kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản sụt giảm do gặp khó khăn về thị trường và giá bán. Mức độ đa dạng hóa thị trường của một số mặt hàng thuộc nhóm nông sản, thủy sản chưa cao. Các mặt hàng nông, thủy sản xuất khẩu còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận những thị trường có yêu cầu cao về chất lượng và an toàn thực phẩm. Với nông sản, ta đã làm tốt công tác đàm phán để nước nhập khẩu cắt giảm thuế nhập khẩu cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam (thông qua các Hiệp định FTA); Tuy nhiên, việc đàm phán để được công nhận về quản lý chất lượng, quản lý an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật còn hạn chế. Do vậy, nhiều mặt hàng dù đã được nước ngoài giảm thuế về 0% nhưng một số nông sản của Việt Nam vẫn chưa được phép nhập khẩu vào một số thị trường.

- Một số ngành trong nhiều năm là động lực tăng trưởng xuất khẩu như sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học, đặc biệt là điện thoại di động không còn duy trì được tốc độ tăng trưởng ấn tượng như giai đoạn trước.

- Mặc dù Việt Nam đã và đang rất tích cực, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề trong tranh chấp thương mại, xử lý các biện pháp phòng vệ thương mại, vượt qua các rào cản thương mại của các thị trường nhập khẩu nhưng tình hình thế giới đang có những diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, các nước ngày càng gia tăng các biện pháp hạn chế thương mại, bảo hộ sản xuất trong nước. (Trong năm 2020, Việt Nam đã ghi nhận 39 vụ việc khởi xướng điều tra mới, tăng gần 2,5 lần so với năm 2019). Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đang phải đối diện với nhiều khó khăn do nhiều nước chuyển sang áp dụng nhiều hình thức mới thay vì áp dụng các hàng rào kỹ thuật như áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại... đòi hỏi cần có sự khẩn trương nghiên cứu, thay đổi trong cách tiếp cận để kịp thời điều chỉnh, ứng phó.

- Việc đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do đã mang lại nhiều thuận lợi trong cắt giảm thuế quan, mở cửa thị trường. Tuy nhiên, năng lực cạnh tranh, hoạt động thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, phát triển công nghiệp hỗ trợ, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực chưa có sự cải thiện rõ rệt để tận dụng tối

đa lợi ích mang lại. Vẫn còn nhiều doanh nghiệp chưa có nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro, ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến mẫu mã sản phẩm, phương thức marketing trong thương mại quốc tế cũng như chưa chủ động kết nối với các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Xuất khẩu vẫn còn phụ thuộc nhiều vào khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Mặc dù tỷ trọng giá trị xuất khẩu của khối FDI đã giảm trong thời gian qua nhưng vẫn chiếm trên 64% tổng giá trị xuất khẩu cả nước. Do sản xuất và xuất khẩu của khối này phụ thuộc rất mạnh vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu nên mỗi khi có biến động xảy ra đối với chuỗi cung ứng, xuất khẩu của ta sẽ chịu tác động mạnh.

### **III. Về thị trường trong nước**

#### **1. Tình hình chung**

Năm 2020, trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới và tại Việt Nam gây tác động đến tâm lý người dân và ảnh hưởng tới thị trường các hàng hóa thiết yếu, Bộ Công Thương đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành nhằm bảo đảm đủ nguồn cung hàng hóa thiết yếu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân tại các địa phương. Theo đó, yêu cầu các địa phương có phương án bảo đảm nguồn cung các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của địa phương theo từng cấp độ diễn biến của dịch bệnh và kế hoạch hỗ trợ cung ứng cho các địa phương khác khi cần thiết, bảo đảm cung ứng đủ hàng hóa thiết yếu cho người dân trong mọi tình huống theo phương châm 4 tại chỗ "*chỉ đạo tại chỗ, lực lượng tại chỗ, hệ thống phân phối tại chỗ, hàng hóa tại chỗ*" và 3 sẵn sàng "*chủ động nguồn hàng, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương*"; chỉ đạo các doanh nghiệp phân phối lớn tăng lượng dự trữ, bảo đảm cung ứng các hàng hóa thiết yếu trên toàn hệ thống; triển khai công tác thông tin, tuyên truyền, cung cấp đầy đủ thông tin về hàng hóa, diễn biến dịch bệnh để ổn định tâm lý của người dân, tránh việc "đổ xô" đi mua hàng hóa tích trữ gây mất cân đối cung cầu; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho lưu thông hàng hóa trong những giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội để bảo đảm hàng hóa được cung ứng cho các địa bàn liên tục, không gián đoạn...

Bên cạnh việc bảo đảm nguồn hàng thiết yếu phục vụ đời sống, Bộ Công Thương cũng đã triển khai tích cực, kịp thời công tác chỉ đạo sản xuất, phân phối, cung ứng các sản phẩm khẩu trang vải cho thị trường nhằm giảm áp lực đối với khả năng cung cấp khẩu trang y tế còn hạn chế, nhanh chóng ổn định thị trường khẩu trang như việc kết nối nhà sản xuất khẩu trang với doanh nghiệp phân phối, tổ chức hơn 3.000 điểm bán khẩu trang bình ổn thị trường trên toàn quốc, kết hợp cùng với việc chỉ đạo sản xuất, cung ứng dung dịch rửa tay sát khuẩn đã hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch một cách hiệu quả.

Do thực hiện tốt công tác bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu, hàng hóa phòng chống dịch cho thị trường ngay trong giai đoạn đầu của dịch bệnh Covid 19 (hệ thống phân phối hàng hóa thiết yếu luôn đáp ứng đủ nhu cầu tăng

manh của người dân kể cả giai đoạn giãn cách xã hội) nên đã tạo được niềm tin, sự an tâm của người dân đối với việc bảo đảm cung ứng hàng hóa thiết yếu cho thị trường. Lưu thông hàng hóa được đẩy mạnh và thông suốt, đáp ứng tốt nhu cầu, nhất là nhu cầu đối với hàng hóa thiết yếu cho người dân ở mọi miền đất nước và trong những giai đoạn tiêu dùng cao điểm như dịp lễ, Tết.

Để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp nhằm phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước, Bộ Công Thương đã tích cực tổ chức triển khai nhiều hoạt động phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng nội địa. Cụ thể như: Đã phát động các chương trình kích cầu tiêu dùng nội địa năm 2020, đặc biệt là tổ chức "Tháng khuyến mại tập trung quốc gia năm 2020 - Vietnam Grand Sale 2020" diễn ra từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 trên phạm vi toàn quốc; Chương trình nhận diện hàng Việt Nam thường niên trên quy mô toàn quốc với tên gọi "Tự hào hàng Việt Nam"; các hoạt động kết nối cung cầu các mặt hàng thực phẩm an toàn vào hệ thống phân phối; kết nối xây dựng các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP đặc sản vùng miền tại nhiều tỉnh trên cả nước; phối hợp với Tập đoàn Central Retail tại Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tổ chức Chương trình "Tinh hoa Việt Nam - Made in Việt Nam" vào ngày 23/10/2020 bao gồm nhiều hoạt động nổi bật như: Trưng bày và giới thiệu các sản phẩm thuộc các ngành hàng chủ lực của Việt Nam (cà phê, trà, hạt điều, hồ tiêu, thủy sản, dệt may, da giày, balo, túi xách); Chương trình kết nối tiêu thụ sản phẩm Việt vào chuỗi bán lẻ hiện đại của tập đoàn Central Retail tại Việt Nam & Thái Lan dành cho các doanh nghiệp Việt Nam với hơn 100 Doanh nghiệp Việt tham gia, kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Việt và các nhà bán lẻ trong nước và Thái Lan...

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố như: Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, tỉnh Vĩnh Long, Yên Bái, Quảng Ninh... tổ chức các hoạt động kích cầu, Hội nghị kết nối cung cầu bình ổn thị trường... thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp sản xuất của gần 60 tỉnh, thành phố trong cả nước và hơn 100 đơn vị phân phối, siêu thị, chuỗi cửa hàng, sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước, qua đó góp phần thúc đẩy doanh nghiệp, người tiêu dùng trong bối cảnh cả nước bước vào giai đoạn bình thường mới.

## **2. Kết quả đạt được**

- *Phát triển thị trường trong nước được đẩy mạnh*, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng nhu yếu phẩm. Thương mại trong nước ngày càng được cải thiện, nhất là hệ thống bán buôn, bán lẻ. Sức mua và cầu tiêu dùng trong nước ngày càng tăng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt 5.059,8 nghìn tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 12,23%).



Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 12 tháng đạt 3.996,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 79,0% tổng mức và tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 13,15%). Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2020 ước đạt 510,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và giảm 12,97% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 17,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,3% tổng mức và giảm 59,5% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 534,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,6% tổng mức và giảm 4,0% so với cùng kỳ năm 2019.

Tính chung cả giai đoạn 2016 - 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng nhanh, qua đó đã cùng với xuất khẩu và đầu tư là trụ đỡ quan trọng để góp phần vào bảo đảm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế chung của cả nước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2016 - 2020 ước gấp 1,6 lần giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt gần 9,4%/năm.

- *Nguồn cung hàng hóa dồi dào, giá cả cơ bản ổn định*, các chương trình bình ổn thị trường được triển khai tích cực, đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán, đã góp phần ổn định thị trường chung của cả nước. Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các khu công nghiệp, khu chế xuất tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện. Công tác kết nối cung cầu được thực hiện tốt, góp phần bình ổn giá cả trên thị trường, đảm bảo đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát thông qua việc gắn kết tạo nguồn hàng ổn định giữa các nhà sản xuất trong nước với các hệ thống phân phối lớn trên toàn quốc. Tỷ lệ hàng Việt Nam tại các hệ thống phân phối bán lẻ luôn chiếm tỷ trọng cao, chiếm tỷ trọng trên 90% đối với hệ thống phân phối do doanh nghiệp trong nước làm chủ (Co.opmart: 90 - 93%, Satra: 90 - 95%, Vinmart: 96%...) và trên 70% tại các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại nước ngoài tại Việt Nam (Lotte, Big C: 90%, AEON, Citimart: 82 - 85%...).

- *Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý, nhất là việc điều hành giá mặt hàng xăng dầu* để hạn chế thấp nhất sự tác động cộng hưởng vào CPI chung khi có sự điều chỉnh tăng giá các mặt hàng thiết yếu khác, bảo đảm thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát do Quốc hội giao (CPI dưới 4%).

- *Công tác hỗ trợ tiêu thụ nông sản, thực phẩm* được quan tâm, đẩy mạnh, mang lại nhiều kết quả tích cực. Tổ chức thành công nhiều Hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ hàng hóa nông sản tại nhiều địa phương qua đó gắn kết được các nhà phân phối, kinh doanh nông sản trong và ngoài nước với các doanh nghiệp, hợp tác xã, bà con nông dân sản xuất nông sản, từ đó, tạo điều kiện cho việc tiêu thụ nông sản thuận lợi, hiệu quả.

- *Hạ tầng thương mại phát triển mạnh mẽ, làm thay đổi nhanh chóng diện mạo hệ thống phân phối, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập.*

+ Hệ thống hạ tầng thương mại đã từng bước góp phần hình thành nên kênh phân phối thông suốt theo hướng văn minh hiện đại, áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường... phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân. Đặc biệt, có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ hệ thống thương mại truyền thống (như chợ) sang hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại (siêu thị và trung tâm thương mại).

+ Hệ thống chợ truyền thống được quy hoạch lại, nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới, nhất là các chợ nông thôn, hạn chế được tình trạng tự phát tại các địa phương. Các hình thức hạ tầng bán lẻ hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại có sự tăng trưởng nhanh chóng trong vòng 4 năm trở lại đây, thu hút mạnh vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước, đầu tư nước ngoài và tập trung chủ yếu ở các đô thị, đặc biệt là sự hình thành của các chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện lợi theo mô hình thương mại bán lẻ của các nước tiên tiến trên thế giới. Mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại ngày càng trở thành kênh bán lẻ hàng hóa quan trọng. Ngoài ra, còn hàng nghìn cửa hàng chuyên doanh và cửa hàng tiện lợi hiện đại hoạt động theo mô hình chuỗi hiện đang phát triển nhanh, được phân bố chủ yếu ở các thành phố lớn. Đến năm 2020, cả nước đã có 94 chợ đầu mối; 8.500 chợ truyền thống; 1.085 siêu thị; 240 trung tâm thương mại; 69 trung tâm logistics và gần 2.000 cửa hàng tiện lợi, tạo chuỗi lưu thông phân phối hàng hóa thông suốt, thuận lợi trên cả nước.

+ Cơ cấu chủ sở hữu hệ thống hạ tầng thương mại ngày càng đa dạng với sự xuất hiện của khu vực ngoài nhà nước, trong đó có sự xuất hiện của hệ thống các doanh nghiệp FDI và sự lớn mạnh nhanh chóng của một số doanh nghiệp lớn trong nước đã góp phần hiện đại hóa ngành bán lẻ. Các thương hiệu bán lẻ trong nước cũng đã và đang phát triển mạnh mẽ, đáng ghi nhận là sự phát triển nhanh với quy mô lớn của một số doanh nghiệp trong nước như Saigon Co.op, Hapro, Satra, Vingroup... với tốc độ phát triển nhanh chóng.

- Công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quản lý hoạt động bán hàng đa cấp... được đặc biệt quan tâm đẩy mạnh và đổi mới phương thức quản lý, góp phần bảo vệ và hỗ trợ thị trường trong nước phát triển lành mạnh.

### **3. Một số tồn tại, khó khăn**

- Tình hình kinh tế chính trị thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, thường xuyên thay đổi ảnh hưởng đến chính sách quản lý, giá cả hàng hóa thế giới. Giá cả các nguyên liệu đầu vào và giá các hàng hóa thiết yếu trên thị trường thế giới có nhiều biến động bất thường, không tuân theo quy luật hàng năm, do đó ảnh hưởng tới biến động giá nhiều hàng hóa thiết yếu trong nước, nhất là nhóm hàng nhiên liệu năng lượng nên còn có những khó khăn trong việc đánh giá tổng thể thị trường để chủ động đưa ra các biện pháp ứng phó kịp thời trước biến động khó lường của thị trường.

- *Cung cầu hàng hóa về cơ bản được bảo đảm nhưng vẫn có những biến động do mất cân đối cục bộ* (như việc tăng giá đối với mặt hàng thịt lợn, giảm giá đối với một số mặt hàng nông sản khi vào vụ thu hoạch rõ), còn thiếu sự liên kết giữa các bên trong chuỗi cung ứng hàng hóa (nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà vận chuyển, người tiêu dùng), nhất là đối với hàng thực phẩm thiết yếu, nên thị trường dễ bị biến động do tác động của tâm lý người tiêu dùng.

- *Công tác thông tin, dự báo còn hạn chế* về nguồn lực, cơ sở vật chất và tính đồng bộ về số liệu thống kê... nên còn có những khó khăn trong việc đánh giá tổng thể thị trường để chủ động đưa ra các biện pháp ứng phó kịp thời trước biến động khó lường của thị trường.

- *Hệ thống hạ tầng thương mại phát triển chưa đồng bộ, hạ tầng bán lẻ (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh...) tăng nhanh nhưng phân bố không đều, tập trung chủ yếu và phát triển mạnh ở các thành phố, thị xã, thị trấn. Ở nông thôn, miền núi mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại còn ít. Hệ thống hạ tầng thương mại như chợ đầu mối, trung tâm logistics, kho chứa hàng hóa (bao gồm cả kho lạnh) chưa theo kịp với nhu cầu phát triển.*

- *Việc kêu gọi và thu hút đầu tư vào phát triển hạ tầng thương mại còn nhiều hạn chế.* Đồng thời, ngân sách Trung ương và địa phương đầu tư xây dựng chợ rất thấp so với các lĩnh vực khác. Hầu như chưa có chính sách ưu đãi (thuế, đất đai, tín dụng...) đầu tư phát triển riêng cho ngành phân phối bán lẻ nói riêng và cho hệ thống hạ tầng thương mại nói chung.

#### **IV. Công tác quản lý thị trường**

Công tác quản lý thị trường được triển khai quyết liệt, bảo đảm ổn định trật tự thị trường, cung ứng hàng hóa thiết yếu và các hàng hóa phục vụ chống dịch cho người dân.

Trong năm 2020, tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng toàn lực lượng QLTT đã cố gắng, nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Bên cạnh việc tục tập trung triển khai thực hiện các Kế hoạch đấu tranh phòng ngừa, kiểm tra, xử lý vi phạm tại các địa bàn, tụ điểm nổi cộm về hàng giả, không rõ nguồn gốc xuất xứ và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; Đề án phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm; Kế hoạch tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, hàng giả, hàng cấm, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, lực lượng QLTT còn triển khai nhiều Chương trình, Kế hoạch, cao điểm kiểm tra, kiểm soát thị trường, triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp quyết liệt để ngăn chặn không để tình trạng hàng lậu, hàng giả, hàng gian lận thương mại, kém chất lượng, không đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần bình ổn thị trường và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp làm ăn chân chính và người tiêu dùng; tăng cường kiểm soát, ngăn chặn kịp thời hành vi lợi dụng tình hình dịch bệnh Covid-19, khan hiếm hàng hóa trên thị

trường để mua vét, mua gom, định giá hàng hóa bất hợp lý đối với các mặt hàng phòng, chống dịch và mặt hàng thiết yếu...

Cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố đã kịp thời xây dựng và triển khai các phương án, kế hoạch kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; đã làm tốt công tác quản lý địa bàn, chú trọng kiểm tra, xử lý các vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Kết hợp với công tác kiểm tra, xử lý vi phạm, lực lượng Quản lý thị trường đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, triển khai cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh ký cam kết không kinh doanh hàng giả, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng; xử lý các tổ chức, cá nhân đã thực hiện việc ký cam kết nhưng vẫn vi phạm.

Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Tổng cục QLTT đã bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia, Bộ Công Thương, tập trung quyết liệt chỉ đạo toàn lực lượng tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, đặc biệt, đối với các mặt hàng thiết yếu phòng chống dịch.

Đáng chú ý, dịch bệnh đã làm thay đổi phương thức mua bán hàng hóa. Bán hàng trên mạng đã gia tăng mạnh trong năm 2020. Các đối tượng đã lợi dụng sự phát triển nhanh chóng của mạng xã hội và tâm lý hoang mang, lo lắng trong dân để trà trộn, kinh doanh các mặt hàng phòng chống dịch kém chất lượng. Tuy nhiên, Cục QLTT các tỉnh, thành phố đã chỉ đạo các Đội QLTT giám sát chặt địa bàn, xử lý nghiêm, kịp thời hàng loạt các vụ vi phạm trên môi trường Internet. Điển hình là vụ đột xuất kiểm tra và thu giữ trên 150.000 khẩu trang giả thương hiệu 3M Company của Mỹ tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại thiết bị Nam Anh, trụ sở tại Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Với những nỗ lực trong công tác phòng chống dịch, năm 2020, Tổng cục QLTT đã kiểm tra, xử lý nhiều vụ việc lớn, nổi cộm, tấn công, triệt phá các đường dây ổ nhóm như: xử lý tổng kho buôn lậu hơn 10.000m<sup>2</sup> tại 145 Hoàng Diệu, thành phố Lào Cai; kiểm tra tạm giữ hàng chục nghìn xuất bản phẩm và sách giáo khoa không rõ nguồn gốc tại Hà Nội; kiểm tra xưởng sản xuất 2.000m<sup>2</sup> sản xuất khẩu trang và gia công găng tay cao su có dấu hiệu đã qua sử dụng với số lượng lớn tại Hòa Bình; phát hiện gần 1 triệu khẩu trang y tế do Việt Nam sản xuất không hóa đơn, chứng từ tại Quảng Bình; tổ chức kiểm tra, xử lý các điểm nóng và kinh doanh hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Trung tâm thương mại Sài Gòn Square, chợ Bến Thành, chợ Ninh Hiệp, Quận Hoàn Kiếm, phát hiện 24 tấn nội tạng lợn bị nhiễm vi khuẩn dịch tả lợn Châu Phi tại Hải phòng; phát hiện tụ điểm phân loại, sơ chế găng tay y tế Bình Dương... Nhiều vụ việc điển hình vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại tại các địa phương như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Quảng Ninh, An Giang, Bình Dương, Thanh Hóa... đã được lực lượng QLTT phát hiện, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Giai đoạn 2016 - 2020, trung bình mỗi năm lực lượng QLTT xử lý khoảng 90.000 vụ vi phạm pháp luật góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định thị

trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (năm 2016 phát hiện, xử lý 104.807 vụ vi phạm; năm 2017, phát hiện, xử lý 90.135 vụ vi phạm; năm 2018, phát hiện, xử lý 91.867 vụ vi phạm; năm 2019, phát hiện, xử lý 90.000 vụ vi phạm; năm 2020 phát hiện, xử lý khoảng 90 nghìn vụ vi phạm). Nhiều vụ vi phạm lớn đã được phát hiện, chuyển cơ quan chức năng xử lý như: Vụ việc thực phẩm nhập lậu tuyến Lào Cai - Yên Bái - Hà Nội; Vụ việc kiểm tra đồng hồ giả mạo Thụy Sĩ tại Khánh Hòa và Đà Nẵng; Vụ việc kiểm tra điện thoại giả mạo nhãn hiệu SAMSUNG; Vụ việc kiểm tra mặt hàng đường cát, vải, quần áo nhập lậu tại An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương; Vụ việc hàng chục nghìn sản phẩm quần áo không có hóa đơn chứng từ đang trong quá trình thay đổi tem nhãn thành "made in Việt Nam" tại Hà Nội; Vụ việc kiểm tra, xử lý 3.108 chai rượu nhập lậu tại tỉnh Quảng Bình; Chuyên Cơ quan điều tra xem xét xử lý 3 vụ việc liên quan đến vi phạm về C/O tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương và Vĩnh Phúc; Chuyên án 117-D của Bộ Công an triệt phá đường dây buôn lậu đường tại An Giang và các tỉnh lân cận...

## **V. Công tác hoàn thiện thể chế pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật**

Xác định đúng vai trò thể chế, pháp luật là then chốt, là khâu đột phá quyết định hiệu quả nền kinh tế, Bộ Công Thương coi công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu. Trong giai đoạn 2016 - 2020, hệ thống pháp luật phục vụ quản lý nhà nước ngành Công Thương tiếp tục được hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng. Đổi mới tư duy xây dựng chính sách, pháp luật từ quản lý thắt chặt sang tạo hành lang, khuyến khích phát triển. Tiếp tục tập trung thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013. Cụ thể:

- Theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm của Bộ Công Thương và quán triệt chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong công tác xây dựng pháp luật vừa phải bảo đảm tiến độ nhưng phải nâng cao chất lượng văn bản, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm dự thảo được tiếp thu ý kiến của các cơ quan và các đối tượng điều chỉnh. Đến nay, đa số các văn bản được ban hành bảo đảm đúng tiến độ, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và toàn diện của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ sản xuất kinh doanh.

Năm 2020, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ 01 Quyết định, đã trình Chính phủ 03 Nghị định và ban hành 44 Thông tư (trong đó 10 Thông tư ngoài chương trình và 24 Thông tư trong chương trình); rút 06 văn bản ra khỏi Chương trình công tác của Chính phủ và Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, gồm 02 Thông tư, 01 Quyết định và 03 Nghị định.

Tính chung cả giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng và trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số văn bản luật, pháp lệnh quan trọng như Luật Quản lý ngoại thương; Luật Cạnh tranh (sửa đổi); Pháp lệnh Quản lý thị trường; Pháp lệnh Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ... Các văn bản quy phạm pháp luật nói trên được ban hành đều tập trung vào việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các hoạt động kinh doanh sản xuất, đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, chống gian lận thương mại, đảm bảo thực thi các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia; đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật tại Bộ Công Thương đã được tổ chức triển khai nề nếp, thường xuyên với nhiều hoạt động như: hoàn thiện thể chế quy định về công tác theo dõi thi hành pháp luật của Bộ; phổ biến về công tác theo dõi thi hành pháp luật cho các cán bộ, công chức; thực hiện các điều kiện bảo đảm cho công tác này và tổ chức theo dõi thi hành pháp luật theo các chuyên đề tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm của Bộ.

- Bên cạnh việc tổ chức thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra việc thi hành pháp luật theo chuyên đề, Bộ Công Thương đồng thời triển khai các hoạt động rà soát, phổ biến, tổ chức thi hành các luật, pháp lệnh do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành và các hoạt động tổng kết thi hành pháp luật, nhất là gắn kế hoạch phổ biến pháp luật với kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Các hoạt động này hỗ trợ hiệu quả cho công tác thi hành pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cung cấp nhiều thông tin quan trọng, khách quan, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi các văn bản pháp luật để có những biện pháp xử lý, điều chỉnh khi cần thiết.

## **VI. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; đổi mới mạnh mẽ phương thức làm việc gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử**

*6.1. Cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành.*

Quán triệt tinh thần Chính phủ kiến tạo, hành động với phương châm “*lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ*” và coi nhiệm vụ cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong cả nhiệm kỳ, Bộ Công Thương đã nghiêm túc, quyết liệt triển khai các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cũng như chương trình cải cách hành chính, trong đó có việc đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngành.

Với chức năng nhiệm vụ là Bộ quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực, tạo ra 60 - 70% GDP của cả nước, Bộ Công Thương là một trong những bộ ngành có những chính sách ảnh hưởng lớn đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh nên số lượng các thủ tục, điều kiện kinh doanh tương đối lớn. Theo thống kê đến thời điểm trước năm 2016, toàn ngành có khoảng 1.216 điều kiện kinh doanh.

Với quan điểm đổi mới, quyết liệt hành động, liên tiếp trong các năm 2016, 2017, 2018, 2019 và 2020, Bộ Công Thương đã có nhiều đề xuất tham mưu với Chính phủ cũng như có văn bản chỉ đạo các đơn vị chức năng rà soát để đơn giản, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Cụ thể: Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3610A/QĐ-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2017 về Phương án rà soát cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương giai đoạn 2017 - 2018. Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và 09 Nghị định<sup>10</sup> trong năm 2017 và năm 2018.

Ngày 02/7/2019, Bộ Công Thương đã công bố danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh đã được bãi bỏ, đơn giản hóa trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương tại cổng thông tin điện tử của Bộ: <https://moit.gov.vn>

Với việc Bộ Công Thương trình Chính phủ ban hành Nghị định 08/2018/NĐ-CP và 09 Nghị định nêu trên ở trong năm 2017 và năm 2018, theo đó, Bộ Công Thương là Bộ tiên phong thực hiện việc cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ. Bộ Công Thương đã cắt giảm, đơn giản hóa **675 điều kiện kinh doanh trên tổng số 1.216 điều kiện** thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (**chiếm tỷ lệ 55,5%**).

Trong năm 2019, 2020, Bộ Công Thương tiếp tục là Bộ tiên phong hoàn thành việc cắt giảm điều kiện kinh doanh cho giai đoạn này với việc trình Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 5/02/2020 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, theo đó cắt giảm, đơn giản hóa **205 điều kiện kinh doanh** thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, tập trung vào cắt giảm các điều kiện kinh doanh trong các lĩnh vực như an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc lá, kinh doanh rượu, hóa chất, điện lực, ô tô, kinh doanh khí, khoáng sản.

Như vậy, sau 2 lần thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Bộ đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa **tổng cộng là 880 điều kiện trên tổng số 1.216 điều kiện (chiếm trên 70%)**. Trong số các điều kiện kinh doanh được cắt giảm, đơn

---

<sup>10</sup> 1. Nghị định số 105/2017/NĐ ngày 14/9/2017 về kinh doanh rượu; 2. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 về kinh doanh hóa chất; 3. Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 về kinh doanh dịch vụ logistics; 4. Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 kinh doanh theo phương thức đa cấp; 5. Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 09/4/2018 về mua bán qua Sở giao dịch hàng hóa; 6. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; 7. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 về kinh doanh thuốc lá; 8. Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí; 9. Nghị định số 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo.

giản hóa trong thời gian vừa qua, nhiều điều kiện kinh doanh được cắt giảm có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, được các chuyên gia, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao như trong lĩnh vực điện, ô tô, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh gas, an toàn thực phẩm<sup>11</sup>...

**Về rà soát, đơn giản hóa TTHC:** Năm 2020, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc tiếp tục rà soát để cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh và cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành (Chỉ thị số 03/C-BCT). Triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-BCT, ngày 23 tháng 6 năm 2020, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 1649/QĐ-BCT ban hành Phương án tổng thể đơn giản hóa TTHC năm 2020 của Bộ Công Thương. Theo đó, sẽ cắt giảm, đơn giản hóa **53 TTHC (Bãi bỏ 5 TTHC, đơn giản hóa 48 TTHC)** thuộc phạm vi chức năng quản lý theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chỉ thị số 03/CT-BCT.

Với 444 TTHC hiện có, Bộ Công Thương cũng đã phân cấp cho các địa phương thực hiện 147 TTHC (130 TTHC thực hiện ở cấp Tỉnh; 15 TTHC thực hiện ở cấp Huyện, 02 TTHC thực hiện ở cấp Xã).

Bộ Công Thương cũng là một trong những Bộ đầu tiên ban hành văn bản quy phạm pháp luật riêng về hoạt động kiểm soát TTHC: Thông tư số 18/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 (thay thế Thông tư số 11/2014/TT-BCT). Theo đó, đặc biệt kiểm soát chặt chẽ việc ban hành, công bố và rà soát theo định kỳ các TTHC thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, đảm bảo việc ban hành TTHC đáp ứng các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp; rà soát, đơn giản hóa TTHC tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện.

*6.2. Cải thiện việc cung cấp và chất lượng giải quyết TTHC thông qua thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.*

Với mục tiêu tăng cường chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa cải cách hành chính, cải cách TTHC với xây dựng CPĐT, Bộ Công Thương đã hoàn thiện việc xây dựng Hệ thống một cửa điện tử và đưa vào vận hành đúng tiến độ đề ra tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

*6.3. Đổi mới mạnh mẽ phương thức làm việc, tạo sự thay đổi rõ rệt trong xây dựng Chính phủ điện tử và giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.*

---

<sup>11</sup><https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/599/4864/danh-gia-chat-luong-cat-giam-dieu-kien-kinh-doanh.aspx>



Bộ Công Thương đã chủ động triển khai hàng loạt các các giải pháp nhằm đẩy mạnh chính phủ điện tử tại Bộ Công Thương, cụ thể:

Đến thời điểm này, tất cả 295 thủ tục hành chính cấp Trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đã được triển khai dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 2 trở lên. Hiện nay, Cổng Dịch vụ công của Bộ đang cung cấp 220 DVCTT mức độ 3, 4 tại địa chỉ <https://dichvucong.moit.gov.vn> (trong đó có 159 DVCTT mức độ 3, 61 DVCTT mức độ 4). Đến nay, đã có gần 36.000 doanh nghiệp đăng ký sử dụng Cổng DVCTT của Bộ.

Bên cạnh việc đưa vào sử dụng các DVCTT, Bộ Công Thương cũng đã hỗ trợ hàng vạn lượt doanh nghiệp trong việc sử dụng các DVCTT thông qua điện thoại, email... góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tốt hơn trong việc tiếp cận với các TTHC do Bộ quản lý.

Bộ Công Thương hiện đã kết nối 11 nhóm DVCTT với Cơ chế một cửa quốc gia (VNSW). Tổng số hồ sơ thực hiện trên VNSW trong cả năm 2020 là 256.708 hồ sơ. Riêng đối với thủ tục Cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), kết nối thành công và đã trao đổi Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với 9 nước bao gồm: Indonesia, Thái Lan, Singapore, Malaysia và Bruinei, Campuchia, Lào, Myanmar, Philippines. Trong cả năm 2020, tổng số hồ sơ điện tử đã trao đổi với các nước là 182.869 hồ sơ. Đây là chứng từ điện tử đầu tiên của Việt Nam được gửi ra nước ngoài, tạo tiền đề để Việt Nam tiếp tục trao đổi, xử lý trực tuyến các chứng từ thương mại khác dưới dạng điện tử khác với các nước, khối - cộng đồng kinh tế theo các thỏa thuận và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Kết nối Cổng dịch vụ công Bộ Công Thương với Cổng dịch vụ công quốc gia:* Với quan điểm lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, Bộ Công Thương đã chủ động lựa chọn những dịch vụ công thuộc thẩm quyền của Bộ có số lượng hồ sơ lớn, có tác động trực tiếp người dân, doanh nghiệp để đưa lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Ngay trong tháng 11 năm 2019 (trước khi khai trương Cổng Dịch vụ công quốc gia - Cổng DVCQG), Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương đã kết nối kỹ thuật thành công 02 nhóm dịch vụ công với Cổng DVCQG bao gồm: (1) Cấp giấy chứng nhận xuất xứ ưu đãi, (2) Đăng ký hoạt động khuyến mại. Đây là các nhóm thủ tục có số lượng hồ sơ trực tuyến lớn nhất thực hiện tại Bộ Công Thương. Hiện có khoảng 30.000 doanh nghiệp khai báo dưới hình thức trực tuyến trong những năm vừa qua đối với các nhóm thủ tục này.

Bộ Công Thương cũng đã đưa tổng cộng 131 DVCTT mức độ 3, 4 lên Cổng DVCQG. Từ khi khai trương Cổng DVCQG đến nay, Cổng DVC Bộ Công Thương đã trao đổi 724.497 bộ hồ sơ điện tử với Cổng DVCQG.

Riêng đối với thủ tục Thông báo thực hiện khuyến mại, mặc dù đã được phân cấp về các địa phương, Bộ cũng đã phối hợp với VPCP làm đầu mối, triển khai thủ tục này trên Cổng DVCQG để tạo điều kiện cho doanh nghiệp chỉ khai báo một lần duy nhất cho tất cả các tỉnh trên toàn quốc, kết nối, liên thông dữ

liệu điện tử đến các Hệ thống một cửa điện tử của các tỉnh (thay vì khai báo trên từng tỉnh như trước đây). Từ 01/01/2020 đến nay, các doanh nghiệp đã khai báo điện tử hơn 10.059 bộ hồ sơ điện tử đối với thủ tục này trên Cổng DVCQG.

Với kết quả đạt được Bộ Công Thương đã được Văn phòng Chính phủ ghi nhận là một trong những đơn vị đi đầu trong cả nước đối với việc kết nối Cổng DVCQG (cả về số lượng DVCTT và số lượng hồ sơ điện tử).

*Triển khai Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước và kết nối, liên thông, gửi, nhận văn bản điện tử:* Hệ thống văn bản điện tử Bộ Công Thương (Hệ thống iMOIT) được triển khai đồng bộ, toàn diện tại 30/30 đơn vị trực thuộc Bộ từ ngày 01/01/2016. Đến nay, Hệ thống iMOIT đã trở thành công cụ, môi trường làm việc thường xuyên của các cán bộ, công chức tại các đơn vị. Bộ Công Thương đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống văn bản điện tử (Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 02/6/2016) và ban hành quy chế sửa đổi tại Quyết định số 2022/QĐ-BCT ngày 05/7/2019.

Thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, thời gian qua, Bộ Công Thương đã nâng cấp và hoàn thiện các chức năng của hệ thống iMOIT nhằm đáp ứng theo các yêu cầu kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia.

## **VII. Về hợp tác kinh tế quốc tế**

### **7.1. Công tác ASEAN**

Bộ Công Thương đã tham gia đóng góp tích cực trong việc đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 và Ủy viên Không Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021 trong bối cảnh dịch Covid-19. Ngoại trừ Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN hẹp lần thứ 26, Hội nghị Nhóm Đặc trách cấp cao về Hội nhập kinh tế ASEAN lần thứ 37 và hai Hội nghị cấp Quan chức Kinh tế được tổ chức vào đầu năm tại Việt Nam, Bộ Công Thương đã nỗ lực duy trì tổ chức trên 50 cuộc họp chính thức ở các cấp khác theo hình thức trực tuyến, đảm bảo triển khai đầy đủ chương trình công tác của Năm ASEAN 2020 như kế hoạch đề ra, không để dịch Covid-19 gây gián đoạn các hoạt động hợp tác kinh tế trong khuôn khổ ASEAN.

Về nội dung hợp tác kinh tế ASEAN năm 2020, cho đến tháng 12 năm 2020, đã hoàn thành 11/13 sáng kiến trải rộng trong tất cả các lĩnh vực hợp tác kinh tế ASEAN theo 3 định hướng chính dưới chủ đề “Gắn kết và chủ động thích ứng” của Năm ASEAN 2020 là: (i) Thúc đẩy liên kết và kết nối khu vực nội khối ASEAN; (ii) Đẩy mạnh quan hệ đối tác vì hòa bình và phát triển bền vững; và (iii) Nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả hoạt động của ASEAN, trong đó nổi bật nhất là việc ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) vào ngày 15/11/2020 theo hình thức trực tuyến. Trong vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 và Chủ tọa Hội nghị Bộ trưởng RCEP, Việt Nam đã tích cực, chủ

động phối hợp với các nước tìm giải pháp xử lý các vấn đề vướng mắc trong bối cảnh đàm phán Hiệp định trở nên phức tạp từ đầu năm, kết thúc hoàn toàn đàm phán để ký kết Hiệp định. Các sáng kiến còn lại đang được tiếp tục triển khai theo kế hoạch để hoàn thành theo đúng thời hạn đề ra.

Trước tình hình chuỗi cung ứng khu vực bị gián đoạn do tác động của dịch Covid-19 từ đầu năm 2020, Bộ Công Thương đã chủ động đề xuất và thúc đẩy các nước ASEAN thống nhất đưa ra Tuyên bố chung cấp Bộ trưởng Kinh tế ASEAN về tăng cường khả năng phục hồi kinh tế ứng phó với dịch Covid-19 được thông qua ngày 10/3/2020. Tiếp tục triển khai và cụ thể hóa các biện pháp trong Tuyên bố chung này, các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN đã thông qua Kế hoạch hành động Hà Nội nhằm tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN và kết nối chuỗi cung ứng trong bối cảnh dịch Covid-19 ngày 19/6/2020 và ký kết Biên bản Ghi nhớ về việc xử lý các biện pháp phi thuế quan đối với hàng hóa thiết yếu vào ngày 10/11/2020. Ngoài ra, Việt Nam đã cùng với các nước ASEAN và một số nước đối tác thông qua nhiều sáng kiến cấp Bộ trưởng nhằm ứng phó với các tác động của dịch Covid-19, phục hồi kinh tế và chuỗi cung ứng khu vực.

Trong năm 2020, hợp tác kinh tế nội khối ASEAN cũng được tăng cường, thể hiện qua các kết quả cụ thể như: thực thi Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa toàn ASEAN (AWSC), nghiên cứu Rà soát tổng thể Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA). Báo cáo sơ bộ về đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025 - là một trong 13 sáng kiến hợp tác kinh tế của Việt Nam cho Năm ASEAN 2020 đã được hoàn thành, trong đó đưa ra các khuyến nghị cụ thể về những lĩnh vực cần tập trung thúc đẩy để phát triển thương mại, đầu tư nội khối, khai thác tối đa lợi ích của hội nhập kinh tế ASEAN, xây dựng ASEAN trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn. Về hợp tác ngoại khối, ngoài việc thực thi 6 FTA giữa ASEAN với các đối tác ngoại khối gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôt-xtrây-li-a/ Niu-Di-lân, Ấn Độ, Hồng Kông - Trung Quốc và ký Hiệp định RCEP, trong năm 2020, Việt Nam cũng tham gia thảo luận về việc nâng cấp Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN-Ôt-xtrây-li-a-Niu-Di-lân (AANZFTA) theo hướng tạo thuận lợi cho thương mại hơn nữa.

Như vậy, trong cả giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam tiếp tục là một thành viên tích cực, có nhiều đóng góp quan trọng cho ASEAN trong việc thúc đẩy các hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đưa ASEAN trở thành khu vực năng động, phát triển và điểm đến đầu tư hấp dẫn. Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan triển khai đầy đủ các biện pháp, sáng kiến, ưu tiên phát triển Cộng đồng Kinh tế ASEAN, giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong các lĩnh vực như thương mại hàng hóa (cắt giảm thuế nhập khẩu và các rào cản phi thuế quan, thuận lợi hóa thương mại), thương mại dịch vụ và đầu tư, giao thông vận tải, hợp tác tài chính, chính sách cạnh tranh, nông nghiệp, năng lượng, kết nối ASEAN,...

## **7.2. Công tác APEC**

Năm 2020, do đại dịch Covid-19 lan rộng trên toàn thế giới, các Hội nghị/Cuộc họp trong khuôn khổ APEC không thể diễn ra trực tiếp như dự kiến. Thay vào đó, các thành viên APEC đã nhóm họp dưới hình thức trực tuyến để kịp thời giải quyết các vấn đề cấp bách và duy trì hợp tác của APEC. Kết quả nổi bật là việc thông qua các Tuyên bố chung APEC về Covid-19 và phục hồi kinh tế. Lãnh đạo Bộ Công Thương đã trực tiếp tham dự Hội nghị Bộ trưởng Thương mại APEC lần thứ 26 và Hội nghị liên Bộ trưởng Ngoại giao - Kinh tế APEC lần thứ 31, xây dựng đề án (phần kinh tế) và tháp tùng Thủ tướng Chính phủ tham dự Hội nghị Cấp cao APEC lần thứ 27. Ngoài ra, Bộ Công Thương đã phát huy vai trò Trưởng Quan chức cấp cao của Việt Nam trong APEC để điều phối các hoạt động hợp tác kinh tế, lồng ghép ưu tiên và đảm bảo lợi ích quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực APEC.

Giai đoạn 2016 - 2020 đánh dấu một mốc quan trọng trong hợp tác APEC. Trong giai đoạn này, Việt Nam lần thứ 2 trở thành chủ nhà đăng cai các Hội nghị trong khuôn khổ hợp tác APEC vào năm 2017. Để hoàn thành nhiệm vụ chính trị quan trọng này, Bộ Công Thương đã chủ động kiện toàn nhân sự và tập trung toàn lực để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cả về nội dung lẫn hậu cần phục vụ cho Năm APEC 2017 tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Bộ cũng đã tích cực phối hợp với các thành viên APEC nhằm đảm bảo lợi ích của Việt Nam cũng như thống nhất quan điểm để tạo ra sự đồng thuận và nhất trí cao tại các Hội nghị/Cuộc họp do Việt Nam chủ trì trong Năm APEC 2017. Ngoài ra, với tư cách là Trưởng SOM của Việt Nam trong APEC, Bộ đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành hữu quan thống nhất quan điểm chung, lồng ghép ưu tiên của Việt Nam, xây dựng phương án và tham dự các Hội nghị về hợp tác kinh tế - thương mại trong chương trình nghị sự của APEC; tham dự các Hội nghị Quan chức Cao cấp, Hội nghị Bộ trưởng Thương mại (MRT) và Tuần lễ APEC trong các năm 2016, 2017, 2018. (Riêng Tuần lễ Cấp cao năm 2019 tại Chi-lê bị hủy do biểu tình và bạo động không thể kiểm soát tại San-ti-a-go).

### **7.3. Công tác WTO**

Nhằm triển khai các cam kết gia nhập WTO, Việt Nam đã tiến hành nhiều cải cách chính sách thương mại theo hướng ngày càng minh bạch và phù hợp với các cam kết, thông lệ quốc tế. Các nỗ lực mạnh mẽ nhất đã được tiến hành để nội luật hóa cam kết hội nhập WTO, hình thành môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, minh bạch, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; phát triển các thị trường; giảm sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường thông qua các biện pháp kiểm soát giá cả, phân bổ nguồn lực, sở hữu, các biện pháp bảo hộ, trợ cấp, độc quyền; tạo ra môi trường kinh tế - xã hội đáp ứng các tiêu chí để Việt Nam được công nhận là nền kinh tế thị trường. Đồng thời, Việt Nam đã thực hiện nghiêm túc lộ trình mở cửa thị trường hàng hoá, dịch vụ theo cam kết của WTO và đến nay, về cơ bản, các luật, pháp lệnh có liên quan tới việc thực thi các cam kết WTO đều đã được ban hành đầy đủ.

Với tư cách thành viên WTO, Việt Nam đã tham gia một cách chủ động và tích cực vào các cuộc đàm phán trong khuôn khổ WTO ở các nội dung có liên quan như nông nghiệp, công nghiệp, sở hữu trí tuệ, tự vệ, trợ cấp, các biện pháp đối kháng và chống bán phá giá... và đóng góp tiếng nói bảo vệ quyền và lợi ích của các nước đang phát triển. Đồng thời, Bộ Công Thương cũng đã chủ trì và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thảo luận các nội dung liên quan đến cải cách WTO và xây dựng quan điểm của Việt Nam. Trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Công Thương cũng đã chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tham dự các kỳ Hội nghị Bộ trưởng các nước thành viên WTO được tổ chức vào các năm 2017 và 2019 với những kết quả tích cực.

Trong năm 2020, Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành triển khai các công việc chuẩn bị cho Phiên rà soát chính sách thương mại của Việt Nam lần thứ 2. Theo dự kiến, phiên rà soát sẽ diễn ra vào ngày 8-9 tháng 12 năm 2020 nhưng do đại dịch Covid-19 nên Ban Thư ký WTO đã thống nhất với Việt Nam lùi thời gian tổ chức phiên rà soát sang tháng 4 năm 2021.

Việt Nam cũng đang tận dụng hiệu quả Chương trình hỗ trợ thương mại của WTO (AfT). Gần đây, OECD, tổ chức đồng triển khai AfT cùng với WTO đã lựa chọn Việt Nam là một trong số các quốc gia để tiến hành nghiên cứu điển hình về AfT và qua đó tiếp tục đưa ra các định hướng thúc đẩy hoạt động này cho Việt Nam.

#### ***7.4. Tham gia các Hiệp định Thương mại tự do (FTA)***

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tích cực tham gia đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Trong bối cảnh hệ thống thương mại đa phương đang gặp phải những khó khăn nhất định, sự phát triển hợp tác kinh tế song phương và khu vực, thể hiện qua việc hình thành các FTA là một sự hỗ trợ quan trọng cho mục tiêu tự do hoá thương mại và đầu tư đa phương trên phạm vi toàn cầu hiện nay. Việc hình thành các FTA với mức độ tự do hoá sâu rộng đã và đang đem lại những cơ hội và cả thách thức không nhỏ đối với những nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Đến nay, Việt Nam đã ký kết và tham gia 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 02 Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới là CPTPP và EVFTA, đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế có độ mở lớn và có quan hệ thương mại với trên 230 thị trường, trong đó có FTA với 60 nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp của Việt Nam mở rộng thị trường, kết nối và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu.

### **VIII. Nỗ lực tăng cường quản lý Nhà nước về phòng vệ thương mại và chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ**

Năm 2020, công tác phòng vệ thương mại được triển khai toàn diện, đạt kết quả nổi bật, bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế. Cùng với việc kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng nhanh, số lượng các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại mới đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng ở mức cao nhất từ trước đến nay với 37 vụ việc,

tăng 2,3 lần so với năm 2019. Bộ Công Thương đã nỗ lực xử lý hiệu quả các vụ việc phòng vệ thương mại, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các ngành sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam. Nhờ đó, Việt Nam đã kháng nghị thành công 65 vụ việc, giúp nhiều doanh nghiệp, nhiều mặt hàng xuất khẩu tiếp tục được hưởng mức thuế 0% hoặc rất thấp (kể cả đối với một số mặt hàng nông sản, thủy sản), duy trì tăng trưởng xuất khẩu, nhất là sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Ca-na-đa... Công tác áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các ngành sản xuất trong nước cũng được chú trọng đẩy mạnh, đặc biệt đối với một số mặt hàng có ảnh hưởng nhiều tới đời sống của người nông dân như mía đường, sorbitol...

Tính chung cả giai đoạn 2016 - 2020, việc triển khai công tác phòng vệ thương mại đã được Bộ Công Thương thực hiện một cách đồng bộ, toàn diện trên tất cả các mặt, từ việc hoàn thiện cơ sở pháp lý, thành lập cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng vệ thương mại đến việc ban hành một loạt chương trình, đề án lớn nhằm nâng cao năng lực thực thi trong lĩnh vực phòng vệ thương mại như: Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 (có một chương riêng về phòng vệ thương mại, thay thế các Pháp lệnh cũ), Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại cùng các Thông tư hướng dẫn, qua đó, về cơ bản tạo ra hành lang pháp lý đầy đủ, phù hợp với cam kết và thông lệ quốc tế để triển khai công tác phòng vệ thương mại hiệu quả hơn; Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Tăng cường quản lý Nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ; Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về một số biện pháp cấp bách nhằm tăng cường quản lý Nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp; Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại; Quyết định số 755/QĐ-BCT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Chương trình tổng thể về sử dụng và ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm hỗ trợ phát triển một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025; Quyết định số 1347/QĐ-BCT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Công Thương triển khai một số hoạt động của Bộ Công Thương nhằm nâng cao năng lực phòng vệ thương mại cho các ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới...

Bộ Công Thương đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai quyết liệt công tác chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, xuất xứ, ngăn chặn hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các ngành sản xuất và người tiêu dùng trong nước. Đồng thời, Bộ Công Thương đã tích cực phối hợp với cơ quan hải quan trong và ngoài nước tăng cường công tác

cảnh báo, phổ biến kiến thức pháp luật về gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp cho doanh nghiệp và tiến hành kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp để lần tránh biện pháp phòng vệ thương mại. Các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cũng đang khẩn trương triển khai Đề án, phối hợp với Bộ Công Thương theo dõi các mặt hàng trong danh sách cảnh báo.

Những nỗ lực trong cảnh báo, siết chặt quản lý, giám sát đã góp phần nâng cao nhận thức của toàn hệ thống, qua đó giúp các Hiệp hội ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong bối cảnh nhiều nước chuyển sang áp dụng nhiều hình thức mới trong phòng vệ thương mại, góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định của các doanh nghiệp.

## **IX. Công tác phát triển thương mại điện tử và kinh tế số**

Việt Nam hiện được đánh giá là một trong những thị trường thương mại điện tử phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á. Bên cạnh đó, với quy mô dân số trên 95 triệu người, tỷ lệ dân số trẻ và thuộc nhóm có mức độ truy cập Internet cao là cơ sở để thị trường thương mại điện tử Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trong tương lai.

Tiếp nối đà tăng trưởng của thương mại điện tử những năm gần đây, cùng với sự hỗ trợ của các phương thức thanh toán điện tử, thương mại điện tử ở Việt Nam đang tiếp tục phát triển toàn diện với sự nở rộ về loại hình sàn giao dịch thương mại điện tử, các dịch vụ thương mại điện tử đi kèm, trở thành công cụ hữu ích giúp các doanh nghiệp tận dụng cơ hội để phát triển bứt phá.

Năm 2020, các hoạt động thương mại điện tử cũng được xem xét, đổi mới và tập trung thúc đẩy để tạo động lực mới mạnh mẽ hơn cho phát triển thương mại cả nước. Theo đó, Bộ Công Thương đã tổ chức triển khai giải pháp ứng dụng công nghệ blockchain trong truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa đối với một số mặt hàng nông sản nhằm nâng cao thương hiệu, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản ra các nước phát triển trong bối cảnh hiệp định EVFTA được phê chuẩn; xây dựng giải pháp tổng thể cho hệ thống Sàn giao dịch dịch vụ logistics giữa các doanh nghiệp dịch vụ logistics và doanh nghiệp chủ hàng nhằm tạo thuận lợi cho dịch vụ giao hàng gắn với thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp ngành Công Thương ứng dụng công nghệ số trong Chuyển đổi số tiếp cận cuộc CMCN 4.0 hướng tới tăng năng suất chất lượng của doanh nghiệp; thiết lập email thương hiệu, tham gia sàn giao dịch TMĐT trong nước và quốc tế, ứng dụng các phần mềm quản lý và bán hàng thông minh, xây dựng trang Landing Page,... nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh xúc tiến bán hàng trên môi trường mạng.

Đồng thời, Bộ Công Thương đã tiến hành số hóa hệ thống thông tin về thị trường, nâng cấp nền tảng hỗ trợ xuất khẩu Việt Nam ECVN.com. Đây là sàn thương mại điện tử đầu tiên tại Việt Nam hoạt động theo mô hình B2B, ECVN đã hỗ trợ nhiều doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu thành công và trở thành địa chỉ tin cậy của các doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu và tìm kiếm bạn hàng

quốc tế trong nhiều năm qua; tiếp tục vận hành hệ thống thông tin xuất khẩu có địa chỉ tại: [www.vietnamexport.com](http://www.vietnamexport.com) để cập nhật thông tin về tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng theo tuần và kết nối giao thương, giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực xuất nhập khẩu giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các nước trên thế giới.

Thị trường thương mại điện tử vào năm 2020 đã có khoảng 53% dân số tham gia mua sắm trực tuyến. Dự kiến năm 2020, mặc dù bị tác động bởi dịch bệnh Covid-19, doanh thu thương mại điện tử Việt Nam tăng trưởng 18% (năm 2019 là 25%), đạt 11,8 tỷ USD, ước tính chiếm 5,5% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước.

Tại Việt Nam, thương mại điện tử là hình thức kinh doanh phổ cập của doanh nghiệp và có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng người tiêu dùng hiện nay. So với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng về thị phần bán lẻ thuộc ba nước đứng đầu khu vực. Từ năm 2015 đến nay, tốc độ tăng trưởng của 03 nền kinh tế internet lớn nhất khu vực Đông Nam Á đạt trung bình 35 - 36%, theo đó Việt Nam là 36%, đứng đầu là Indonesia với 41%, thứ ba là Phillipines (30%). Theo báo cáo "Nền kinh tế Internet Đông Nam Á" năm 2020 của Google và Temasek, nền kinh tế internet của Đông Nam Á dự kiến đạt 105 tỷ USD trong 2020 và dự kiến sẽ đạt 309 tỷ USD vào năm 2025, trở thành một trong những khu vực tăng trưởng thương mại trực tuyến (online commerce) nhanh nhất thế giới.

*Về xây dựng, từng bước hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về thương mại điện tử và kinh tế số:* Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020 phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Hiện nay, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử nhằm xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái cho thương mại điện tử và kinh tế số phát triển, triển khai ngay những giải pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này như xây dựng thị trường và nâng cao lòng tin người tiêu dùng với thương mại điện tử; tăng cường năng lực các hệ thống hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cho thương mại điện tử; đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại các địa phương.

## **X. Công tác xúc tiến thương mại (XTTM)**

Hoạt động xúc tiến thương mại, nòng cốt là Chương trình cấp quốc gia về XTTM đã đạt được các kết quả tích cực và ngày càng khẳng định vai trò quan trọng đối với công tác xúc tiến thương mại của cả nước; thực hiện tốt việc hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thị trường xuất khẩu, bao gồm cả các thị trường truyền thống, các thị trường có tiềm năng và các thị trường đã ký hiệp định FTA. Bộ Công Thương đã cùng với các hiệp hội ngành hàng, cơ quan XTTM không



ngừng đổi mới cách thức triển khai hoạt động XTTM, đa dạng hóa hình thức XTTM và nâng cao hiệu quả hoạt động XTTM.

Trong giai đoạn 2016 - 2019, Bộ Công Thương phê duyệt 776 đề án XTTM quốc gia với tổng kinh phí hỗ trợ 418 tỷ đồng. Đây là các đề án có trọng tâm, trọng điểm và bao gồm 3 nội dung: xúc tiến xuất khẩu, XTTM thị trường trong nước và XTTM khu vực miền núi, biên giới, hải đảo. Các hoạt động thuộc Chương trình cấp quốc gia về XTTM đã hỗ trợ trên 30.000 lượt doanh nghiệp tham gia, các doanh nghiệp đã trực tiếp giao dịch và ký kết các hợp đồng trong thời gian tham gia các hoạt động XTTM với tổng giá trị hợp đồng và giao dịch trực tiếp tại các sự kiện XTTM phát triển ngoại thương đạt trên 14,8 tỷ USD; doanh số bán hàng trực tiếp tại các hội chợ vùng, phiên chợ đạt trên 1.000 tỷ đồng.

Năm 2020, Chương trình cấp quốc gia về XTTM được phê duyệt gồm với tổng kinh phí Nhà nước hỗ trợ là 136 tỷ đồng. Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trên thế giới, Việt Nam là một trong hai quốc gia đầu tiên trên thế giới tổ chức các hội nghị giao thương XTTM trực tuyến trong bối cảnh Covid-19. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các nền tảng số vào XTTM và quảng bá thương hiệu theo hướng kết hợp trực tiếp và trực tuyến giúp doanh nghiệp tiếp cận đối tác, thị trường xuất khẩu có hiệu quả ngay tại “nhà”.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020, các hoạt động XTTM trực tiếp không thể thực hiện được theo kế hoạch. Trong bối cảnh đó, Bộ Công Thương đã chủ động, nhanh chóng chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành, địa phương và các cơ quan XTTM nước ngoài đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số vào XTTM, tổ chức trên 500 hội nghị XTTM quốc tế bằng hình thức trực tuyến. Kết quả là trên 1 triệu phiên giao thương trực tuyến được thực hiện, hàng trăm ngàn doanh nghiệp Việt Nam đã được hỗ trợ XTTM trực tuyến với các đối tác nước ngoài trên khắp 5 châu lục. Đặc biệt, lần đầu tiên Bộ Công Thương tổ chức Triển lãm quốc tế Công nghiệp thực phẩm bằng hình thức trực tuyến (9-12/12/2020), tổ chức cho hàng ngàn doanh nghiệp Việt Nam tham gia các hội chợ, triển lãm trực tuyến quốc tế.

Các hoạt động XTTM trực tuyến đã giúp doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam tiết kiệm chi phí XTTM mà vẫn duy trì và phát triển tốt quan hệ với đối tác nước ngoài ở khắp 5 châu lục (55 thị trường xuất khẩu của Việt Nam, gồm cả các thị trường lớn như Trung Quốc, Mỹ, EU, Nhật và thị trường tiềm năng như ở châu Phi, Úc...), huy động cả hệ thống tham tán thương mại Việt Nam ở nước ngoài vào cuộc góp phần hỗ trợ các địa phương, bà con nông dân tiêu thụ nông sản kịp thời trong hoàn cảnh không thể thực hiện hoạt động XTTM trên thực tế ở nước ngoài, đồng thời giúp nhiều ngành hàng công nghiệp như dệt may, da giày, điện tử, vật tư y tế, bao bì,... duy trì được các hoạt động XTTM thông qua hình thức trực tuyến có hiệu quả, nhất là trong giai đoạn đầu của dịch Covid-19.

Bên cạnh đó, nhằm đổi mới công tác XTTM để thích nghi với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hỗ trợ các doanh nghiệp tận dụng các cơ hội từ cuộc cách mạng này, trong năm 2020, Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng 05 ứng dụng, phần mềm bao gồm: Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung quản lý khách hàng (CRM); Hệ sinh thái xúc tiến thương mại (VECOBIZ; Cổng truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại ([www.itrace247.com](http://www.itrace247.com)); Cổng thông tin hướng dẫn xuất nhập khẩu hàng hoá (<https://vietnam.tradeportal.org>); Nền tảng đào tạo XTTM trực tuyến (E-learning). Các ứng dụng trên dự kiến được đưa vào vận hành trong năm 2021.

Bộ Công Thương cũng đã trực tiếp tổ chức và hỗ trợ kỹ thuật và phối hợp với các địa phương như Bắc Giang, Sơn La, Phú Thọ, Hưng Yên, Yên Bái, Tuyên Quang, Lâm Đồng, Cà Mau... tổ chức thành công các hội nghị XTTM trực tuyến nhằm quảng bá và kết nối tiêu thụ nông sản, thủy sản vào vụ như vải, nhãn, xoài, rau-củ-quả... Đến nay, mô hình này đã trở thành hình thức XTTM - ĐT mới, hiệu quả và lan tỏa ra hầu hết các địa phương, hiệp hội và doanh nghiệp trên cả nước, qua đó góp phần tích cực vào kết quả xuất - nhập khẩu của cả nước trong năm 2020.

*Công tác phát triển thương hiệu:* Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương hiệu hàng hóa Việt Nam, Bộ Công Thương đã triển khai các Chương trình, hoạt động đa dạng về phát triển thương hiệu, trong đó nòng cốt là Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam (THQG). Trong khuôn khổ Chương trình, Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ/ngành triển khai các hoạt động: (1) Nâng cao nhận thức của xã hội và cộng đồng doanh nghiệp về xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu; (2) Tư vấn, đào tạo, nâng cao năng lực của doanh nghiệp về xây dựng và phát triển thương hiệu và hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam và (3) Tuyên truyền, quảng bá cho các sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Về hoạt động đào tạo và tư vấn cho doanh nghiệp xây dựng phát triển thương hiệu và nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm, trung bình mỗi năm Bộ đã đào tạo được từ 400 - 450 lượt doanh nghiệp.

Định kỳ 2 năm/lần, Bộ Công Thương đã tổ chức xét chọn và công bố các doanh nghiệp có sản phẩm đạt THQG nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục chia sẻ và theo đuổi các tiêu chí của Chương trình THQG là *Chất lượng - Đổi mới, sáng tạo - Năng lực tiên phong* để không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2016 - 2020, trải qua 03 kỳ xét chọn, đã có 671 lượt sản phẩm đạt THQG của 309 doanh nghiệp (năm 2016 là 157 sản phẩm của 88 doanh nghiệp; năm 2018 là 231 sản phẩm của 97 doanh nghiệp; năm 2020 là 283 sản phẩm của 124 doanh nghiệp). Các doanh nghiệp có sản phẩm đạt THQG đã được hỗ trợ quảng bá, tham gia một số hội chợ, triển lãm có quy mô lớn và uy tín ở trong nước (như Hội chợ Vietnam Expo, Triển lãm Vietnam Foodexpo) cũng như được Bộ Công

Thương hỗ trợ công tác quảng bá thương hiệu, phát triển thương hiệu qua các diễn đàn, hội nghị, hội thảo và các sự kiện trong khuôn khổ Chương trình THQG như Diễn đàn doanh nghiệp THQG, Tuần lễ tự hào THQG... và các hoạt động quảng bá trên truyền hình.

Các hoạt động phát triển thương hiệu với nòng cốt là Chương trình THQG đã đóng góp tích cực trong việc đẩy mạnh giá trị thương hiệu Việt Nam trong những năm qua. Cụ thể, trong giai đoạn 2016 - 2020, theo đánh giá của Tổ chức định giá thương hiệu quốc gia Brand Finance, giá trị thương hiệu Việt Nam tăng 226% từ 141 tỷ USD (năm 2016) lên 319 tỷ USD (năm 2020), xếp hạng thương hiệu Việt Nam đã tăng 17 bậc (từ vị trí thứ 50 năm 2016 lên vị trí thứ 33 năm 2019) và nằm trong nhóm thương hiệu mạnh.

## **XI. Công tác quản lý cụm công nghiệp và khuyến công quốc gia**

### **11.1. Công tác quản lý cụm công nghiệp**

Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp (CCN) đến năm 2020 của cả nước có 1.655 CCN, tổng diện tích 56.055 ha. Trong đó, có 905 CCN, tổng diện tích 30.747,7 ha đã thành lập; 895 CCN, tổng diện tích 30.768 ha đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết; 564 CCN, tổng diện tích 19.289 ha đã phê duyệt đầu tư hạ tầng kỹ thuật; 696 CCN, tổng diện tích 21.686 ha đi vào hoạt động, thu hút khoảng 12.000 dự án đầu tư sản xuất kinh doanh, tỷ lệ lấp đầy bình quân 65%, tạo việc làm cho gần 600.000 lao động; 123 CCN có công trình xử lý nước thải đi vào hoạt động.

Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế, chính sách quản lý CCN cơ bản được hoàn thiện gồm: (1) Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN; (2) Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2017/NĐ-CP; (3) Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; các VBQPPL về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường...

Thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định 66/2020/NĐ-CP, các địa phương đã ban hành và tổ chức thực hiện: Quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển CCN, thành lập, mở rộng CCN, đầu tư xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư vào các CCN theo quy định pháp luật; 58/63 địa phương đã ban hành và thực hiện Quy chế phối hợp quản lý CCN trên địa bàn; 12/63 địa phương đã ban hành Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng CCN do ngân sách địa phương đảm bảo.

Quản lý, phát triển CCN đã thống nhất từ quy hoạch, thành lập, mở rộng CCN đến đầu tư xây dựng hạ tầng, sản xuất trong CCN. Nhìn chung các địa phương đã tổ chức thực hiện quản lý CCN một cách nề nếp theo quy định của pháp luật. Bộ Công Thương thường xuyên trả lời kiến nghị, hướng dẫn các địa

phương về Quy chế phối hợp quản lý CCN, chính sách ưu đãi, hỗ trợ CCN, lựa chọn chủ đầu tư CCN và các vấn đề khác trong quản lý, phát triển CCN.

## **11.2. Chương trình khuyến công quốc gia**

Ngày 01 tháng 8 năm 2014, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 1288/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia (KCQG) đến năm 2020. Những năm qua, Chương trình KCQG đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn và góp phần quan trọng vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một số kết quả đáng ghi nhận như: Hỗ trợ đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho 18.400 lao động nông thôn (*đạt 13,14% mục tiêu giai đoạn*), 98% số lao động được đào tạo đã được bố trí việc làm; Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý, điều hành sản xuất cho 14.185 học viên (*tăng 1,32% so với mục tiêu giai đoạn*); Hỗ trợ 5.700 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) tham gia hội chợ triển lãm trong nước và ngoài nước (*tăng gần 200% so với mục tiêu giai đoạn*). Đặc biệt, hỗ trợ xây dựng 273 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới (*tăng 36,5% so với mục tiêu giai đoạn*); hỗ trợ 998 cơ sở CNNT chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến (*tăng 14,83 % so với mục tiêu giai đoạn*).

Hệ thống tổ chức thực hiện công tác khuyến công dần ổn định và hoạt động hiệu quả. Các Trung tâm Khuyến công được quan tâm về biên chế, bộ máy, đầu tư trang thiết bị và phương tiện làm việc. Tính đến nay, 63/63 Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trên cả nước có đơn vị sự nghiệp trực thuộc triển khai hoạt động khuyến công với tổng số 1.329 người (trong đó số cán bộ trực tiếp triển khai nhiệm vụ khuyến công là 704 người, chiếm 53%); 101 huyện có cộng tác viên cấp huyện và 592 xã có cộng tác viên cấp xã.

Các hoạt động khuyến công đã thực hiện tốt mục tiêu huy động các nguồn lực tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, các nhân đầu tư sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới; đồng thời khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

## **XII. Công tác quản lý cạnh tranh**

Trong năm 2020, công tác hoàn thiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tiếp tục được triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

(i) Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh.

(ii) Báo cáo, giải trình Chính phủ, Ban Cán sự đảng Chính phủ trong việc xây dựng mô hình tương đương tổng cục của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia là cơ sở để hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia. Ngày 24 tháng 7 năm 2020, Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương đã trình xin ý kiến Bộ Chính trị về mô hình tương đương tổng cục của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

(iii) Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2020 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

(iv) Ban hành Quyết định số 1907/QĐ-BCT ngày 21 tháng 7 năm 2020 Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TW.

Công tác giám sát, quản lý hoạt động cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ. Bộ đã chủ động nghiên cứu, rà soát các giao dịch mua bán, sáp nhập trên thị trường, giám sát việc thực hiện quyết định xin hưởng miễn trừ tập trung kinh tế của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, chủ động tiến hành điều tra tiền tố tụng trên nhiều thị trường, lĩnh vực, ngành nghề để thu thập, xác minh các thông tin, dấu hiệu về các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh. Bộ Công Thương cũng đã tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành về tình trạng tăng giá thịt lợn trên toàn quốc, làm cơ sở để báo cáo, tham vấn Chính phủ.

Trong năm 2020, Bộ Công Thương tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành trong quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, qua đó, giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp từ Trung ương đến địa phương, tăng cường quan hệ chỉ đạo, phối hợp giữa Bộ Công Thương và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổ chức thanh, kiểm tra, kiên quyết xử lý, thu hồi Giấy phép đối với các doanh nghiệp bán hàng đa cấp vi phạm pháp luật; chỉ đạo sát sao công tác cấp, sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận bán hàng đa cấp đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Nghị định 40/2018/NĐ-CP (trong năm 2020, đã ban hành quyết định xử phạt đối với 05 doanh nghiệp với tổng số tiền phạt là 2 tỷ 435 triệu đồng).

Tính chung cả giai đoạn 2016 - 2020, về công tác quản lý cạnh tranh, Bộ Công Thương đã tăng cường triển khai kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường; Thẩm định và trả lời trên 13 hồ sơ thông báo tập trung kinh tế

theo quy định của Luật Cạnh tranh 2004; Tiếp nhận và xử lý trên 50 hồ sơ thông báo tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018; Chủ động nghiên cứu, rà soát các giao dịch mua bán, sáp nhập trên thị trường; Giám sát việc thực hiện quyết định xin hưởng miễn trừ tập trung kinh tế của doanh nghiệp; Thường xuyên rà soát các giao dịch tập trung kinh tế trên thị trường, cập nhật, thống kê và tổng hợp dữ liệu về tình hình mua bán, sáp nhập, hợp nhất, liên doanh của các doanh nghiệp trên phạm vi cả nước, các doanh nghiệp nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Về quản lý hành vi hạn chế cạnh tranh: Chủ động tiến hành điều tra tiền tố tụng khoảng gần 100 vụ việc trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề để thu thập, xác minh các thông tin, dấu hiệu về các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh, trên cơ sở đó khởi xướng điều tra 5 vụ việc và đã có báo cáo Hội đồng cạnh tranh để xử lý đối với 4 vụ việc, trong đó có những vụ việc có tính thời sự và nhận được nhiều sự quan tâm.

Về quản lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh: Đã tiến hành điều tra theo thủ tục tố tụng cạnh tranh với 56 vụ việc, thu về tổng số tiền phạt 12.806.250.000 đồng và nộp về ngân sách nhà nước tổng cộng 13.366.250.000 đồng (bao gồm cả phí xử lý vụ việc cạnh tranh) - số liệu bao gồm cả điều tra và xử lý theo thủ tục tố tụng cạnh tranh đối với hành vi bán hàng đa cấp bất chính của các doanh nghiệp bán hàng đa cấp. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị điều tra và xử lý tập trung chủ yếu vào các dạng hành vi: quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh, dèm pha doanh nghiệp khác, chỉ dẫn gây nhầm lẫn, bán hàng đa cấp bất chính.

*Đối với quản lý hoạt động bán hàng đa cấp:* Công tác chỉ đạo, điều hành trong công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp được đẩy mạnh, công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, hạn chế tối đa nguy cơ doanh nghiệp lợi dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thực hiện các hoạt động thu lợi bất chính. Theo đó, từ năm 2017 đến nay chỉ có 03 doanh nghiệp được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp. Trong giai đoạn năm 2016 - 2020, đã điều tra và xử lý theo thủ tục tố tụng cạnh tranh đối với gần 20 doanh nghiệp bán hàng đa cấp có hành vi vi phạm pháp luật về bán hàng đa cấp với tổng số tiền phạt hơn 11 tỷ đồng; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của 24 doanh nghiệp. Song song với hoạt động điều tra và xử lý vi phạm theo thủ tục tố tụng cạnh tranh, Bộ cũng thực hiện hiệu quả việc xử phạt doanh nghiệp bán hàng đa cấp vi phạm theo chức năng thanh tra chuyên ngành được giao. Đến nay, chỉ còn 22 doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đang hoạt động trên thị trường.

*Công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng* tiếp tục đạt được nhiều kết quả nổi bật, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động. Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nhằm hỗ trợ xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ người tiêu

dùng từ Trung ương tới địa phương (tới cấp huyện); từng bước đảm bảo nguồn lực để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở địa phương. Số lượng các vụ việc khiếu nại của người tiêu dùng được giải quyết tại Bộ Công Thương tiếp tục có sự gia tăng rõ nét so với giai đoạn 2011 - 2015 trước đó. Tổng đài tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng tại đầu số 1800.6838 tiếp nhận trung bình năm là 8.000 cuộc gọi tới, tỷ lệ cuộc gọi được tư vấn là gần 60%. Cùng với đó, số lượng khiếu nại gửi tới Bộ Công Thương duy trì ở mức 600 - 700 hồ sơ khiếu nại trung bình năm. Tỷ lệ giải quyết khiếu nại thành công luôn ở mức cao, trên 95%.

### **XIII. Công tác thanh tra; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

#### ***13.1. Công tác thanh tra***

Kế hoạch Thanh tra năm 2020 của Bộ Công Thương được xây dựng theo định hướng chương trình thanh tra và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Trong năm 2020, Bộ tiến hành 182 cuộc thanh tra bao gồm thanh tra hành chính, thanh tra về phòng chống tham nhũng và thanh tra chuyên ngành. Qua các cuộc thanh tra chuyên ngành, các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành của Bộ Công Thương đã phát hiện các vi phạm quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Công Thương, ban hành 69 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền xử phạt vi phạm là 4,621 tỷ đồng.

Kế hoạch thanh tra hàng năm của Bộ Công Thương được xây dựng theo đúng thời gian quy định, bám sát định hướng và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; chủ động xác định đối tượng thanh tra và các nội dung thanh tra. Nội dung thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực quản lý nhà nước trọng yếu, đặc thù hoặc gây bức xúc dư luận xã hội, những nơi có đơn thư tố cáo, phản ánh.

Từ năm 2016 đến năm 2020, Bộ Công Thương đã tiến hành 403 cuộc thanh tra, trong đó có 25 cuộc thanh tra hành chính, 378 cuộc thanh tra chuyên ngành. Qua các cuộc thanh tra hành chính, phát hiện vi phạm về ngân sách 8.397,148 tỷ đồng; vi phạm về đầu tư xây dựng và mua sắm là 330,855 tỷ đồng và 145 triệu USD; vi phạm về đất đai 5.700 ha; kiến nghị xuất toán, thu hồi, giảm trừ 134,456 tỷ đồng; kiến nghị rà soát, làm rõ, xử lý theo quy định 6.847,724 tỷ đồng; yêu cầu hạch toán lại 201,976 tỷ đồng. Chuyển một số vụ việc sai phạm sang Cơ quan Công an, Tổng cục Thuế để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

#### ***13.2. Công tác kiểm tra***

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước, các đơn vị thuộc Bộ đã thực hiện kiểm tra theo Kế hoạch trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ về điện lực, hóa chất, dầu khí, xăng dầu, than, cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng...

Qua kiểm tra, đã phát hiện tồn tại, vi phạm về công tác tổ chức cán bộ; công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán vốn ngân sách; về hoạt động dịch vụ thu; việc thực hiện cải tạo, sửa chữa; việc thực hiện đầu tư Dự án nâng cấp, cải tạo... Tính chung cả giai đoạn 2016 - 2020, Bộ đã ban hành 67 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền xử phạt vi phạm là 2,1 tỷ đồng.

Bộ Công Thương đã kiến nghị một số cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, bổ sung, sửa đổi một số văn bản, quy định cho phù hợp với thực tế.

### **13.2. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

- *Công tác tiếp công dân:* Trong năm 2020, Thanh tra Bộ Công Thương đã thực hiện 15 lượt tiếp công dân (12 vụ việc) với tổng số 21 người, không có đoàn đông người (từ 5 người trở lên). Công dân tới Bộ khiếu nại, kiến nghị, phản ánh, đề nghị được giải quyết về chế độ, quyền lợi của người lao động, an sinh xã hội; phản ánh hoạt động, công tác cán bộ tại một số đơn vị; đề nghị đơn đốc xử lý kết luận, kiến nghị thanh tra tại đơn vị; phản ánh vụ việc về an toàn lao động; dự án xây dựng lưới điện...

Cả giai đoạn 2016 - 2020: Bộ Công Thương đã thực hiện 106 lượt tiếp công dân (68 vụ việc) với tổng số 240 người. Trong đó, số lượt tiếp đoàn đông người (từ 5 người trở lên) là 16 lượt. Số lượt tiếp công dân của Lãnh đạo Bộ là 09 lượt. Số vụ việc được giải quyết: 68 vụ việc (100%).

Công dân đến Bộ Công Thương chủ yếu để phản ánh, kiến nghị các vấn đề về chế độ của người lao động khi nghỉ việc, tình hình hoạt động của một số đơn vị trực thuộc, việc phân phối nhà ở, quyền lợi của những người kinh doanh bị xâm phạm, phản ánh doanh nghiệp bán hàng đa cấp, vụ việc đền bù trong sự cố môi trường biển Formosa, yêu cầu đền bù sau khi quy hoạch ở địa phương, phản ánh việc xây dựng, cải tạo các dự án, công trình công cộng... Các vụ việc đều được Bộ Công Thương tiếp nhận, trao đổi, giải thích; hướng dẫn công dân thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và Lãnh đạo Bộ tham gia đầy đủ các kỳ tiếp dân. Đối với vụ việc thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương hoặc đơn vị thuộc Bộ, Bộ tiếp nhận để giải quyết; đối với vụ việc không thuộc thẩm quyền, Bộ hướng dẫn người dân đến nơi có thẩm quyền để được giải quyết.

Bộ Công Thương không có vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài, phức tạp.

#### *- Công tác xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo:*

Năm 2020, Thanh tra Bộ Công Thương đã tiến hành 05 Đoàn xác minh nội dung tố cáo. Việc thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Cả giai đoạn 2016 - 2020:

+ *Đơn khiếu nại:* Bộ Công Thương nhận được 465 đơn, trong đó 54 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ; 160 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của



các đơn vị thuộc Bộ; 259 đơn được Bộ Công Thương chuyển tới các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

+ *Đơn tố cáo*: Bộ Công Thương nhận được 1.133 đơn, trong đó 233 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ; 535 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị thuộc Bộ; 365 đơn được Bộ Công Thương chuyển tới các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết

+ *Kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo*: Bộ đã tập trung xử lý theo đúng chức năng, thẩm quyền và các quy định của pháp luật; giải quyết kịp thời, dứt điểm, không để tồn đọng các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Từ năm 2016 đến năm 2020, Bộ Công Thương thành lập 11 đoàn xác minh nội dung tố cáo và đã ban hành các Kết luận theo đúng quy định của pháp luật.

### ***13.3. Công tác phòng, chống tham nhũng***

Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng, chú trọng các biện pháp, giải pháp theo Nghị quyết của Đảng, các thông báo, kết luận chỉ đạo tại các hội nghị, phiên họp định kỳ của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo; ban hành nhiều văn bản nhằm tăng cường công tác phòng chống tham nhũng; chỉ đạo triển khai các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phối hợp chặt chẽ với hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát của các cơ quan chức năng nhằm tăng cường công tác phát hiện tham nhũng, xử lý vụ việc.

Ban Cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy đảng, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng chống tham nhũng; tổ chức, triển khai công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nêu cao tính chủ động, phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng và các hành vi bao che, dung túng, cản trở việc chống tham nhũng; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng, gắn công tác phòng chống tham nhũng với việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Từ năm 2016 đến năm 2020, Bộ Công Thương triển khai 12 cuộc thanh tra và hàng chục cuộc kiểm tra về phòng, chống tham nhũng. Qua công tác thanh tra, kiểm tra, tuy chưa phát hiện các vụ việc tham nhũng nhưng đã phát hiện một số vi phạm, tồn tại, hạn chế tại các đơn vị và đưa ra nhiều kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục nhằm nâng cao công tác quản lý, phòng ngừa tham nhũng.

Đối với một số dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương, Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 1532/KH-BCT ngày 27

tháng 02 năm 2017 về việc kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến những tồn tại, yếu kém, khuyết điểm, sai phạm, đồng thời Bộ đã chỉ đạo các đơn vị khẩn trương triển khai, nghiêm túc thực hiện kiểm điểm theo quy định.

#### **XIV. Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển khoa học công nghệ**

*a) Thực hiện nghiêm quy định về tinh giản biên chế gắn với cải cách tiền lương; đổi mới mạnh mẽ quy trình, phương thức tổ chức tuyển dụng, sử dụng, trả lương, đánh giá, đề bạt cán bộ; thực hiện bổ nhiệm, đề bạt cán bộ chủ yếu dựa trên thành tích, kết quả công việc; tăng cường trách nhiệm giải trình của người đứng đầu đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao*

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Công Thương đã tiến hành nghiên cứu, triển khai một cách đồng bộ và toàn diện tất cả các khâu, từ cơ cấu lại tổ chức bộ máy của Bộ, sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ, đến hoàn thiện thể chế, đổi mới phương thức quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quản lý. Đến nay, Bộ Công Thương là một trong những Bộ đi đầu trong việc thực hiện tinh giản mạnh mẽ cơ cấu tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Thực hiện Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, Bộ đã tiếp hành cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy giảm từ 35 đơn vị xuống còn 30 đơn vị, trong đó có 26 đơn vị hành chính và 4 đơn vị sự nghiệp công lập.

Bộ Công Thương cũng đã hoàn thành công tác tổ chức cán bộ, từ khâu hoàn thiện tổ chức bộ máy, công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí sử dụng cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng, công tác khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, đảng viên các đơn vị thuộc Bộ; xây dựng hệ thống vị trí việc làm, danh mục vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo, bản mô tả công việc cho từng vị trí việc làm, xác định cơ cấu công chức, viên chức, xác định khung năng lực theo từng vị trí việc làm của các đơn vị thuộc Bộ làm cơ sở xây dựng, áp dụng chế độ tiền lương mới.

Bộ Công Thương đã có văn bản đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ báo cáo số lượng người làm việc để tổng hợp, xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 của Bộ, hàng năm có kiểm tra giám sát việc thực hiện tinh giản biên chế của các đơn vị. Đồng thời, Bộ Công Thương đã và đang tăng cường áp dụng hình thức khen thưởng, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức có thành tích xuất sắc, tạo động lực thúc đẩy, khuyến khích cán bộ, công chức phấn đấu vươn lên, yên tâm gắn bó với công việc.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện các đề án phát triển nhân lực của ngành Công Thương phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về đào tạo và phát triển nhân lực quốc gia, đáp ứng yêu cầu nhân lực của ngành; Phối hợp các Bộ,

ngành chức năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu, các thỏa thuận quốc tế về giáo dục đại học, về giáo dục nghề nghiệp.

*b) Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ và an toàn thực phẩm*

Năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ ngành Công Thương đã có những bước điều chỉnh nhanh chóng trong định hướng cũng như cách thức tổ chức thực hiện, gắn với yêu cầu của doanh nghiệp với trọng tâm là các công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tỷ lệ đối ứng của các đơn vị tham gia nhiệm vụ khoa học công nghệ, đặc biệt là từ các doanh nghiệp được ứng dụng, chuyển giao công nghệ ngày càng tăng.

Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Công Thương, trong giai đoạn 2016 - 2020, triển khai 06 chương trình/đề án khoa học và công nghệ cấp quốc gia, 2 chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ và Đề án ứng dụng khoa học và công nghệ trong tái cơ cấu ngành Công Thương. Các nhiệm vụ tập trung vào hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ, quản trị sản xuất, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị để tạo ra sản phẩm, hàng hóa thương hiệu Việt Nam có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã đạt được những giải thưởng cao, có ý nghĩa to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội cũng như tạo lập vị thế về khoa học của Việt Nam trong khu vực và quốc tế; nhiều sản phẩm ứng dụng mang tầm khu vực và quốc tế, góp phần phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, ví dụ như các sản phẩm: Giàn khoan tự nâng trong lĩnh vực dầu khí; Máy biến áp nguồn 500 KVA 3 pha trong lĩnh vực thiết bị điện; Hệ thống bơm đặc thù, bơm công suất lớn trong lĩnh vực cơ khí; Các sản phẩm công nghệ cao trong lĩnh vực điện, khai thác khoáng sản, hóa chất, điện tử phục vụ y tế, công nghiệp, công nghệ sinh học...

Công tác quản lý khoa học và công nghệ đã được đổi mới một cách toàn diện từ nội dung tới phương thức quản lý; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quá trình quản lý, giám sát thực hiện. Từng bước đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ của ngành; nghiên cứu, đẩy mạnh việc tái cơ cấu các Viện theo hướng nâng cao hiệu quả, gắn với yêu cầu phát triển ngành và doanh nghiệp.

*Trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và sở hữu trí tuệ:* Công tác tiêu chuẩn, đo lường và sở hữu trí tuệ liên tục được đổi mới, hoàn thiện đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, từng bước thiết lập hệ thống hàng rào kỹ thuật bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước; hỗ trợ các doanh nghiệp cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh; đồng thời ngăn chặn các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ kém chất lượng, ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe, tính mạng con người, góp phần thực thi các Hiệp định thương mại đa phương, song phương.

Bộ Công Thương đã xây dựng và trình ban hành 06<sup>12</sup> văn bản làm cơ sở pháp lý có tính định hướng cho công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng đối với các lĩnh vực, sản phẩm, hàng hóa và kiểm tra chuyên ngành thuộc trách nhiệm phân công quản lý của Bộ. Tới thời điểm hiện tại, về cơ bản, chính sách về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng được ban hành tương đối đồng bộ, đầy đủ, tạo cơ sở hành lang pháp lý và công cụ quản lý cần thiết cho các đơn vị chức năng của Bộ trong quá trình thực hiện công tác này.

Đã xây dựng, thẩm định và trình ban hành 10 QCVN cho các sản phẩm, hàng hóa ngành Công Thương; tổ chức xây dựng các dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và chuyên Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố theo quy định (năm 2020, Bộ đã đề nghị thẩm định và công bố 03 TCVN về LPG, đồng thời đang tiến hành rà soát, hoàn thiện hồ sơ thẩm định, công bố các TCVN đã hoàn thành việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo).

Công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa lưu thông trên thị trường trong phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đã được tăng cường thông qua việc triển khai đồng bộ các hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước như: Đăng ký, chỉ định và kiểm tra hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa và các tổ chức kiểm nghiệm đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật An toàn thực phẩm; Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và an toàn thực phẩm.

Bộ Công Thương cũng đã ban hành Quyết định số 1978/QĐ-BCT ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc ban hành kế hoạch thực hiện "Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. Đề án đã cụ thể hóa các nhiệm vụ tại Quyết định số 100/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tập trung vào xây dựng và vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc, cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa quốc gia.

Xây dựng Đề án tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn

---

<sup>12</sup> Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số 33/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 sửa đổi, bổ sung mã HS trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BCT; Thông tư số 21/2017/TT-BCT ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may; Thông tư số 33/2016/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh.

đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đối với ngành Công Thương nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về hoạt động đo lường trong ngành Công Thương và hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành Công Thương nâng cao năng lực hoạt động đo lường.

*Công tác chỉ đạo quản lý an toàn thực phẩm* được thường xuyên thực hiện kịp thời, đúng hướng. Tiến hành rà soát, triển khai xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý. Đồng thời tập trung thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm. Kết quả thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm đã phát huy được hiệu quả, phát hiện, ngăn chặn được nhiều vụ vi phạm góp phần vào việc bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Ý thức chấp hành pháp luật của người sản xuất, kinh doanh ngày càng được nâng lên do đó trong quá trình chế biến, bảo quản thực phẩm việc sử dụng các chất phụ gia ngoài danh mục các chất phụ gia được phép trong bảo quản, chế biến thực phẩm đã giảm; nguyên liệu đưa vào trong quá trình chế biến, sản xuất thực phẩm ngày càng được đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm. Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các siêu thị, trung tâm thương mại đã có ý thức trong việc chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm như: thực hiện các quy định về cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện, khám sức khỏe cho người lao động, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm, sắp xếp, bảo quản hàng hóa...

**XV. Về các mặt công tác khác** như sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp; bảo đảm an toàn môi trường công nghiệp, hóa chất... trong ngành Công Thương năm 2020 đã tiếp tục được tập trung đẩy mạnh. Qua đó các chủ trương, định hướng lớn của Trung ương và của Chính phủ đều được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động cụ thể để thống nhất chỉ đạo, bám sát tổ chức triển khai thực hiện trong toàn ngành và đạt kết quả tốt.

### **Phần thứ ba**

## **PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021**

### **I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC**

#### **1. Bối cảnh quốc tế**

Năm 2021, bối cảnh thế giới đang có những chuyển biến lớn và khó lường với nhiều cơ hội và thách thức đan xen, đặc biệt là xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn và dịch Covid-19 chưa thể sớm kết thúc, những tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới có khả năng kéo dài sang các năm tiếp theo, nhất là đối với tăng trưởng kinh tế, đầu tư, thương mại toàn cầu. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới và một số tổ chức quốc tế, các quốc gia sẽ phải đối mặt với những thách thức về bất bình đẳng, nghèo đói, huy động nguồn lực, xác định mục tiêu tăng

trường... và tiềm ẩn những rủi ro lớn về tài chính, tiền tệ, nợ công trên phạm vi toàn cầu. Trong đó, một số xu hướng chính có tác động lớn gồm:

**Thứ nhất**, cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã và đang chuyển đổi cấu trúc của nền kinh tế thế giới và hiện đang bước vào giai đoạn tăng trưởng chủ yếu dựa vào công nghệ và đổi mới sáng tạo đã mang đến cơ hội cho các nước đang phát triển đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ để thực hiện công nghiệp hóa đất nước và bắt kịp các nước phát triển; nhưng cũng phải đối mặt với các thách thức rất lớn với mô hình tăng trưởng hiện đang phụ thuộc quá nhiều vào lợi thế nguồn nhân lực giá rẻ dồi dào khi lợi thế này đang bị cạnh tranh lớn bởi máy móc và tự động hóa.

**Thứ hai**, xu hướng dịch chuyển các nhà máy công nghiệp FDI từ các Trung tâm sản xuất lớn của toàn cầu (chẳng hạn như Trung Quốc) sang các quốc gia Đông Nam Á hoặc chuyển trở về sản xuất trong nước (một số tập đoàn đa quốc gia của các nước lớn như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU) đã làm thay đổi cấu trúc và cơ cấu nền kinh tế của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Điều này, đòi hỏi các quốc gia như Việt Nam phải điều chỉnh lại các chính sách công nghiệp, chính sách thương mại, chính sách đầu tư... một cách nhanh chóng và chủ động hơn để phù hợp với xu hướng mới, đồng thời phải xây dựng các chính sách để hỗ trợ các doanh nghiệp nội địa trong việc cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp FDI và khả năng tận dụng chính các doanh nghiệp FDI để đẩy mạnh năng lực nội tại của nền kinh tế.

**Thứ ba**, dưới tác động của xu hướng trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ, xung đột thương mại và dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên toàn thế giới đã làm thay đổi cấu trúc các chuỗi cung ứng toàn cầu, gia tăng sự dịch chuyển của các dòng vốn đầu tư nước ngoài, phân bố lại các khu vực sản xuất và luồng thương mại giữa các quốc gia. Các nước, nhất là Mỹ và phương Tây tăng cường các biện pháp phòng vệ thương mại, bảo vệ mậu dịch. Các chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ được cấu trúc lại theo hướng giảm vai trò của Trung Quốc và xuất hiện những mô hình kinh doanh mới. Công nghệ 4.0, chuyển đổi số sẽ được áp dụng phổ biến hơn, thúc đẩy quá trình cấu trúc lại chuỗi giá trị toàn cầu. Các quốc gia sẽ tập trung một số ngành công nghiệp, giảm sự phụ thuộc quá mức vào nguồn cung từ bên ngoài. Trong khi đó, các thách thức an ninh phi truyền thống sẽ xuất hiện thường xuyên hơn với quy mô lớn và trở thành vấn đề toàn cầu. An ninh mạng trở thành vấn đề an ninh toàn cầu, chi phối chiến lược an ninh của mỗi quốc gia.

## **2. Bối cảnh trong nước**

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025. Nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra trong năm 2021 rất nặng nề và có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề để thực hiện thắng lợi Chiến lược 10 năm và Kế hoạch 5 năm.

Trong nước, nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức từ các tác động tiêu cực của tình hình thế giới do độ mở của nền kinh tế lớn và những hạn chế, bất cập nội tại; nguồn lực hạn hẹp, trong khi phải đáp ứng cùng lúc các yêu cầu về đầu tư phát triển, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an sinh xã hội,... Tác động của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng; tình hình phức tạp trên Biển Đông tiếp tục là thách thức lớn đối với bảo đảm quốc phòng an ninh và sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng có những cơ hội, thuận lợi; vai trò của các nền kinh tế mới nổi và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương ngày càng được nâng lên, tiếp tục là động lực phát triển của kinh tế toàn cầu. Tình hình chính trị - xã hội ổn định; khối đại đoàn kết các dân tộc và niềm tin của người dân, doanh nghiệp được củng cố; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Bối cảnh quốc tế, trong nước nêu trên cùng với xu hướng dịch chuyển đầu tư, thương mại, chuyển đổi số, sự phát triển các mô hình kinh doanh mới, sự thay đổi phương thức sản xuất, tiêu dùng và giao tiếp trên toàn cầu, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và cách mạng công nghiệp lần thứ tư... vừa là thời cơ, nhưng cũng vừa là thách thức đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nỗ lực đổi mới, hành động quyết liệt hơn, hiệu quả hơn trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

## **II. MỤC TIÊU NGÀNH CÔNG THƯƠNG NĂM 2021**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng lực nội tại và tính tự chủ của nền kinh tế. Thực hiện hiệu quả, thực chất hơn các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thể chế và khơi thông nguồn lực; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; quyết liệt thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm. Mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu; đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng, hạn chế sự phụ thuộc vào một số thị trường; thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, ngừa, nâng cao năng lực phòng vệ thương mại, cảnh báo sớm và giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, bảo vệ hợp lý các ngành sản xuất trong nước và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người dân. Đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa và phát triển thương hiệu Việt; phát triển mạnh thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững đóng góp vào tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,5%. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; quyết liệt phòng chống tham nhũng; lãng phí; xây dựng bộ máy liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh

nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong năm 2021, tiếp tục tập trung thực hiện "mục tiêu kép" vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa tận dụng tốt các cơ hội, nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.

## **2. Các mục tiêu cụ thể**

Đề góp phần đạt tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước năm 2021 tăng 6,5%, ngành Công Thương phấn đấu đạt các mục tiêu sau đây:

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng khoảng 8% so với năm 2020.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 4-5% so với năm 2020.
- Cán cân thương mại tiếp tục duy trì xuất siêu.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2021 tăng khoảng 8% so với năm 2020.
- Cân đối về điện: Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện quốc gia (bao gồm cả sản lượng điện mặt trời mái nhà) năm 2021 đạt khoảng từ 262 tỷ kWh đến 269 tỷ kWh, tăng khoảng từ 5,2% đến 8,0% so với năm 2020. Điện thương phẩm toàn hệ thống năm 2021 đạt khoảng 226 tỷ kWh đến 232 tỷ kWh, tăng khoảng 5,6% đến 8,3% so với năm 2020.
- Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C khoảng 20-22%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử đạt 55%.

## **III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Các nhiệm vụ chung**

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng chống và giảm thiểu thiệt hại do đại dịch Covid-19. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao ý thức phòng, chống dịch, tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác; tiếp tục củng cố trạng thái bình thường mới, vừa phục hồi, phát triển kinh tế xã hội, vừa sẵn sàng phòng chống dịch trong tất cả các ngành, lĩnh vực và tại tất cả các cơ quan, đơn vị.

- Ban hành và tập trung triển khai ngay Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 và định hướng đến năm 2022.

- Triển khai tích cực Đề án cơ cấu lại các ngành công nghiệp; tiếp tục phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển



dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở Việt Nam. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ sản xuất trong nước, phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng tỷ lệ nội địa hóa.

- Rà soát, cân đối lại tổng thể cơ cấu các nguồn năng lượng và thực hiện các cơ chế chính sách, biện pháp để bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong dài hạn và theo hướng bền vững trên cơ sở huy động sự tham gia mạnh mẽ hơn của khu vực kinh tế ngoài nhà nước theo đúng tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; và về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm trong mọi tình huống không để xảy ra thiếu điện phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Bảo đảm cân đối xuất, nhập khẩu, đóng góp tích cực cho tăng trưởng. Tổ chức khai thác, tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) để phát triển thị trường xuất khẩu và tháo gỡ rào cản để thâm nhập các thị trường mới; đa dạng hóa, hạn chế sự phụ thuộc vào một số thị trường. Thực hiện tốt Đề án "Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ"; kiểm soát có hiệu quả nhập khẩu, chủ động phòng ngừa, nâng cao năng lực phòng vệ thương mại, cảnh báo sớm và giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, bảo vệ hợp lý các ngành sản xuất trong nước.

- Thúc đẩy sự phát triển và phát huy hiệu quả vai trò thị trường trong nước, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại, phát triển mạnh thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, gắn kết giữa sản xuất với phân phối hàng hóa, tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị, chú trọng đến các mặt hàng nông sản. Thực hiện hiệu quả xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam và cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Tăng cường quản lý, kiểm tra thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại..., xử lý nghiêm vi phạm.

- Thực hiện đồng bộ và khai thác hiệu quả các FTA đã có hiệu lực, đồng thời tích cực chuẩn bị trong nước cho việc thực thi hiệu quả các FTA mới. Tăng cường nghiên cứu các vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế trong quá trình hoạch định chính sách về hội nhập. Chú trọng nâng cao năng lực hội nhập quốc tế, trong đó tập trung phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức về hội nhập quốc tế trong hệ thống chính trị, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội. Triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện các FTA đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và ASEAN.

- Đẩy nhanh việc ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết có hiệu lực. Chú trọng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với cam kết quốc tế.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển các công trình, dự án ngành công nghiệp có tính kết nối, lan tỏa phát triển giữa các ngành, lĩnh vực, vùng miền.

- Thực hiện nghiêm các chương trình, kế hoạch về cải cách hành chính, trọng tâm là đơn giản hóa thủ tục hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính, tiếp tục rà soát, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; đổi mới mạnh mẽ việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức. Công khai, minh bạch hoạt động quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực của quản lý nhà nước.

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, không để các vụ việc tồn đọng kéo dài.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền công khai, minh bạch và hiệu quả. Chủ động cung cấp thông tin, nhất là tình hình kinh tế - xã hội, các cơ chế, chính sách mới cho cơ quan thông tấn, báo chí. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại về cơ chế, chính sách gắn với sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân.

## ***2. Một số nhiệm vụ và giải pháp cụ thể***

### ***2.1. Về phát triển sản xuất công nghiệp***

#### ***a. Giải pháp chung***

- Triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực nội tại, khả năng thích ứng, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu.

- Tiếp tục tập trung điều chỉnh mô hình tăng trưởng công nghiệp từ chủ yếu dựa trên số lượng sang dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, đẩy mạnh phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn; gắn kết sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp.

- Tăng cường áp dụng hệ thống tổ chức sản xuất tiên tiến và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất công nghiệp, gắn sản xuất công nghiệp với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất công nghiệp.

- Tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp phát triển các ngành công nghiệp theo các định hướng ưu tiên đã được xác lập, gồm:

+ Phát triển các ngành công nghiệp nền tảng như cơ khí, năng lượng, hóa chất, thép, thiết bị điện...; một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu như dệt may, da giày, điện tử...; công

nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; công nghiệp phục vụ an ninh, quốc phòng; công nghiệp chế biến sâu đối với các sản phẩm nông lâm, thủy sản; công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; công nghiệp khai khoáng (dầu khí và khoáng sản) theo hướng chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững.

+ Phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hướng lựa chọn các nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ cần ưu tiên phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn phục vụ sản xuất công nghiệp để tăng cường khả năng tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia.

+ Cơ cấu lại các nguồn năng lượng theo hướng tăng cường hợp tác về phát triển nguồn cung từ bên ngoài và đa dạng hóa phát triển nguồn cung năng lượng trong nước, bảo đảm cho nhu cầu phát triển của đất nước trong dài hạn theo hướng bền vững và khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ của khu vực kinh tế ngoài nhà nước; đầu tư, nâng cấp mở rộng hệ thống lưới điện, từng bước chuẩn hóa lưới điện nông thôn; đảm bảo mở rộng lưới điện tới các vùng nông thôn, biên giới, hải đảo, đồng thời đảm bảo an toàn và chống thất thoát điện; thực hiện các giải pháp nhằm tiếp tục giảm tổn thất điện năng, thực hiện chương trình tiết kiệm điện trong sản xuất, truyền tải và phân phối để phát triển bền vững.

- Hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển công nghiệp; rà soát, cải cách cơ chế chính sách, quy hoạch phát triển công nghiệp; điều chỉnh cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ, đặc biệt là tăng cường liên kết giữa các địa phương trong phát triển công nghiệp, hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp theo lợi thế của các địa phương.

- Phát triển nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên; đẩy nhanh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại đối với những ngành công nghiệp chủ lực, mũi nhọn và công nghiệp ưu tiên;

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động sản xuất công nghiệp.

#### *b. Giải pháp chủ yếu của từng ngành*

##### **(1) Ngành điện**

- Đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho năm 2021. Chỉ đạo EVN và các đơn vị liên quan đảm bảo tiến độ đầu tư, xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện trọng điểm, đặc biệt là các công trình phục vụ giải tỏa công suất phát của các nguồn điện năng lượng tái tạo (gió, mặt trời); Yêu cầu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đảm bảo tiến độ các công trình trọng điểm.

- Tiếp tục hoàn thiện Cơ chế đấu thầu các dự án điện gió, điện mặt trời trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai thực hiện Cơ chế đấu thầu.

- Phối hợp các Bộ, ngành liên quan cùng các địa phương đề xuất tiếp tục triển khai Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo để thực hiện

mục tiêu hầu hết các hộ được sử dụng điện.

- Tiếp tục triển khai các dự án BOT nhà máy nhiệt điện theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng.

- Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam cho giai đoạn mới.

- Tập trung thực hiện các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu điện năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy mạnh phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo để bổ sung nguồn điện, phù hợp với cơ chế, chính sách khuyến khích năng lượng tái tạo của Chính phủ.

- Hoàn thành xây dựng Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, có xét đến 2045 trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai thực hiện.

- Tiếp tục giám sát chặt chẽ công tác vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh 2021; chủ trì phối hợp với các đơn vị rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền về cơ chế bù chéo, cơ chế giá trị gia tăng trong thị trường điện.

- Thực hiện các công tác triển khai thị trường bán lẻ điện cạnh tranh sau khi Đề án Tái cơ cấu ngành điện phục vụ Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng các phương án điều chỉnh giá điện phù hợp với thị trường bán buôn điện cạnh tranh; Xây dựng và trình ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

## **(2) Ngành dầu khí**

- Tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch ngành Dầu khí. Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc hoạt động đầu tư, xây dựng các công trình trong lĩnh vực Dầu khí.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất để hoàn thiện khung pháp lý đối với ngành dầu khí, bao gồm: Nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Dầu khí và các văn bản pháp lý có liên quan nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phù hợp với tình hình mới của ngành dầu khí.

- Hoàn thiện và triển khai Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng, triển khai đề án thị trường năng lượng cạnh tranh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện cơ chế hoạt động (về quản trị, tài chính, nguồn lực,...) phù hợp để đảm bảo sự phát triển bền vững, đặc biệt trong việc gia tăng trữ lượng dầu khí; cùng với đó là tiêu chí đánh giá tài chính phù hợp đối với PVN, có xét đến rủi ro của hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí, phù hợp với thông lệ hoạt động dầu khí quốc tế.

### **(3) Ngành than**

- Tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch ngành Than và các kế hoạch liên quan được duyệt. Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc hoạt động đầu tư, xây dựng các công trình trong lĩnh vực công nghiệp than.

- Tiếp tục theo dõi tình hình cân đối nguồn than cho phát điện; đôn đốc các đơn vị liên quan thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cấp than cho điện năm 2021. Chỉ đạo chủ đầu tư nhà máy điện khẩn trương ký hợp đồng mua bán than năm 2021 và dài hạn với các đơn vị cung cấp than, làm cơ sở lập và phê duyệt Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2021.

- Tiếp tục bám sát tình hình thị trường, điều kiện thực tế để có các giải pháp chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh than linh hoạt, phù hợp theo quy định, đảm bảo kế hoạch được duyệt.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp liên quan thực hiện tốt công tác thông tin và dự báo làm cơ sở định hướng xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp. Chỉ đạo doanh nghiệp việc tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến, tối ưu hóa các chỉ tiêu công nghệ, định mức tiêu hao tiên tiến xây dựng theo mô hình hợp lý (định mức lao động, định mức tiêu hao vật tư,...) để tiết giảm chi phí sản xuất ở mức hợp lý và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh; tiếp tục rà soát nâng cao hiệu quả công tác đầu tư trong các lĩnh vực để nâng cao năng lực sản xuất, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm; áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm sử dụng tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm chi phí trong tất cả các khâu thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh than; hoàn thiện cơ chế quản trị tài chính doanh nghiệp, tăng cường quản lý kỹ thuật, tăng năng suất, giảm giá thành để đảm bảo cân đối tài chính của các đơn vị ngành Than.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp chỉ đạo, điều hành, các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh theo tinh thần Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện.

### **(4) Đối với khoáng sản**

- Hoàn thành việc xây dựng, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tổng hợp Quy hoạch khoáng sản và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch và triển khai theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Bộ Chính trị về Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Thông báo kết luận số 245-TB/TW ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Bộ Chính trị về Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng bô-xít giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến 2025.

- Tiếp tục đôn đốc, hỗ trợ và thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước đối với các dự án thép lớn như Formosa Hà Tĩnh, Dự án Thép Nghi Sơn, Thép Hòa Phát Dung Quất khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư, xây dựng cơ bản và đi vào vận hành đúng tiến độ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước và giảm nhập siêu ngành thép.

### ***(5) Công nghiệp hỗ trợ***

- Triển khai thực hiện hiệu quả các đề án hỗ trợ ngành công nghiệp hỗ trợ theo Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đã phê duyệt trong một số ngành trọng điểm như: công nghiệp ô tô, điện tử, dệt may và da giày. Tập trung vào khâu tổ chức kết nối và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tham gia được vào chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp và các dự án có vốn đầu tư nước ngoài nhằm khai thác hiệu quả quá trình hội nhập.

- Phối hợp chặt chẽ với một số doanh nghiệp FDI đa quốc gia tăng cường tìm kiếm, kết nối các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu, linh phụ kiện trong nước đủ khả năng sản xuất thay thế nguồn nhập khẩu trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

- Thường xuyên cập nhật, nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ, nhằm hình thành mạng lưới kết nối các doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến ngành công nghiệp.

- Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may và da giày đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; xây dựng Chương trình phát triển bền vững ngành dệt may, da giày giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 nhằm tháo gỡ “điểm nghẽn” về nguyên phụ liệu, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, và ứng dụng công nghệ 4.0 trong thiết kế, sản xuất; xanh hóa ngành công nghiệp dệt may, da giày nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dệt may, da giày đồng thời tận dụng hiệu quả cao nhất các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP để đưa ngành dệt may, da giày tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

### ***(6) Ngành dệt may***

- Phát triển dệt nhuộm trong nước, bảo đảm nhu cầu vải cho ngành.

- Triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ thúc đẩy xuất

khẩu, quảng bá sản phẩm sang các thị trường xuất khẩu, nâng cao hiệu quả kết nối của hệ thống thương vụ tại nước ngoài; đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu, tránh rủi ro đồng thời đảm bảo được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ của các FTAs; hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, kết nối và mở rộng thị trường, ưu tiên khai thác nhu cầu tiêu dùng trong nước, tránh để phụ thuộc vào một thị trường.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước dịch chuyển từ CMT lên FOB, ODM, OBM để đáp ứng yêu cầu về chất lượng của đơn hàng xuất khẩu. Bên cạnh đó, chú trọng khâu thiết kế mẫu mã và hệ thống phân phối nhằm phát triển hơn nữa thị trường nội địa đồng thời hướng tới xuất khẩu.

- Phát triển ngành thời trang trong nước trên cơ sở hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực thiết kế thời trang và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu số hóa một số khâu trong dây chuyền sản xuất. Nâng cao trình độ cán bộ quản lý kỹ thuật, công nghệ, xây dựng thương hiệu, áp dụng công nghệ in 3D trong thiết kế thời trang đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đơn lẻ của khách hàng.

- Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may và da giày đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; xây dựng Chương trình phát triển bền vững ngành dệt may, da giày giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 nhằm tháo gỡ “điểm nghẽn” về nguyên phụ liệu, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, và ứng dụng công nghệ 4.0 trong thiết kế, sản xuất; xanh hóa ngành công nghiệp dệt may, da giày nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dệt may, da giày đồng thời tận dụng hiệu quả cao nhất các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP để đưa ngành dệt may, da giày tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

### **(7) Ngành da giày**

- Tập trung tháo gỡ những khó khăn nội tại, giữ vững thị trường xuất khẩu, đi đôi với phát triển thị trường nội địa, mở rộng các kênh bán hàng để khai thác tối đa thị trường trong nước. Tăng cường các chương trình xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm da giày Việt Nam tại Hoa Kỳ và các thị trường thuộc EU. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp nhằm tuân thủ triệt để những điều khoản quy định về vệ sinh, môi trường, lao động và quy trình công nghệ của các thị trường nhập khẩu.

- Bám sát diễn biến thị trường, nắm bắt thông tin nhằm điều chỉnh định hướng sản xuất, kinh doanh kịp thời.

## **2. Các giải pháp đối với xuất nhập khẩu**

### **2.1. Giải pháp chung**

- Tổ chức khai thác, tận dụng cơ hội từ các FTA để tìm giải pháp phát triển thị trường và tháo gỡ rào cản để thâm nhập các thị trường mới. Tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến của đại dịch Covid-19 trên thế giới để có các biện pháp ứng phó kịp thời. Ưu tiên triển khai các hoạt động xúc tiến xuất khẩu và các thị trường xuất khẩu sớm khôi phục sau đại dịch; tập trung theo dõi sát tình hình

từng thị trường để rà soát, xác định các chủng loại hàng hóa mà các nước đang có nhu cầu nhập khẩu để khai thác, thúc đẩy xuất khẩu.

- Củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã tham gia ký kết; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, đặc biệt là các thị trường nhỏ và thị trường ngách; Đa dạng hoá cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm xuất khẩu, phát triển thương hiệu.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về các FTA để hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khai thác và tận dụng các ưu đãi, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định trong các FTA. Đẩy mạnh công tác xây dựng thể chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia nhằm tạo môi trường thuận lợi thông thoáng cho hoạt động xuất nhập khẩu.

- Thực hiện tốt công tác cảnh báo sớm cho doanh nghiệp. Nắm bắt thông tin thị trường và cảnh báo sớm các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam như sự thay đổi chính sách của nước nhập khẩu, các rào cản kỹ thuật, rủi ro trong thanh toán, các hoạt động tuyên truyền thiếu thiện chí đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam; khả năng bị điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại; kịp thời thông tin để Chính phủ, các bộ, ngành, Hiệp hội và doanh nghiệp có phản ứng kịp thời. Xây dựng kênh thông tin cập nhật diễn biến thị trường, dự báo và đánh giá về tình hình cung cầu, giá cả để doanh nghiệp có thông tin định hướng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Phát triển dịch vụ logistics nhằm hỗ trợ, kết nối và thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

## ***2.2. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại***

- Đẩy mạnh hoạt động quảng bá hình ảnh, sản phẩm và xây dựng thương hiệu ngành hàng, sản phẩm xuất khẩu tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm và có nhiều tiềm năng; lựa chọn và tập trung xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

- Phối hợp với các Bộ ngành và các đơn vị liên quan triển khai đa dạng hóa các hình thức XTTM tiếp cận mở rộng thị trường xuất khẩu, trước mắt ưu tiên triển khai các đề án XTTM quốc gia, các hoạt động xúc tiến xuất khẩu đối với các thị trường sớm khôi phục sau dịch Covid-19; về lâu dài, tập trung đẩy mạnh XTTM các thị trường trọng điểm như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN, EU, Hoa Kỳ, các nước CPTPP..., đặc biệt khai thác các thị trường/khu vực thị trường hiện đang có các thỏa thuận thương mại tự do (FTA) với Việt Nam. Tăng cường tuyên truyền phổ biến thông tin về cơ hội xúc tiến xuất khẩu vào thị trường các nước EU, CPTPP, ưu tiên các mặt hàng có thế mạnh của Việt Nam nhằm khai thác và tận dụng hiệu quả lợi ích mang lại từ hiệp định CPTPP và EVFTA.



- Chủ động trao đổi, phối hợp với hiệp hội ngành hàng, địa phương lựa chọn nhóm hàng, mặt hàng có thế mạnh, có tiềm năng xuất khẩu, dành ưu tiên tập trung nguồn lực đẩy mạnh hoạt động XTTM, xây dựng kế hoạch, lộ trình xúc tiến thương mại theo chuỗi, có tính dài hạn, có sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức XTTM Bộ, ngành, hiệp hội, địa phương, doanh nghiệp.

- Tập trung triển khai hoạt động xúc tiến thương mại theo từng thị trường đối với từng ngành hàng theo giai đoạn nhất định..

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong XTTM trên các nền tảng kỹ thuật số nhằm đáp ứng được yêu cầu của hoạt động XTTM trong tình hình mới, mặt khác giúp địa phương nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đây là biện pháp phù hợp trong bối cảnh các quốc gia phải tập trung khắc phục hậu quả nặng nề của dịch Covid-19, cũng là giải pháp lâu dài nhằm tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả và tính minh bạch cho các hoạt động thương mại.

- Tập trung, ưu tiên các hoạt động XTTM hỗ trợ nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong việc đáp ứng được tiêu chuẩn, quy định của thị trường nhập khẩu (từ thông tin thông tin về ngành hàng, thị trường, về các rào cản thương mại đến hỗ trợ chuyên gia tư vấn cách thức tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu...), hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi cơ cấu xuất khẩu theo hướng gia tăng giá trị cho sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu (từ khâu nghiên cứu phát triển sản phẩm, đến xây dựng thương hiệu, bảo vệ thương hiệu và tiếp cận thị trường thông qua hoạt động giao thương B2B, hội chợ, triển lãm và các nền tảng kỹ thuật số).

- Đẩy mạnh tuyên truyền xuất khẩu, quảng bá ngành hàng, sản phẩm có thế mạnh xuất khẩu của vùng, miền. Tập trung thực hiện quảng bá sâu rộng tối thiểu mỗi năm 3-5 ngành hàng vào các thị trường trọng điểm theo chu kỳ 3 năm liên tiếp.

### ***2.3. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp***

- rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để nhằm tìm ra các điểm khó khăn, rào cản đối với doanh nghiệp, nghiên cứu đề xuất các biện pháp tháo gỡ.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến với các thủ tục hành chính.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để cải cách thủ tục hành chính nhằm thúc đẩy xuất khẩu, đặc biệt là Hệ thống chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys đang được triển khai cho phép thương nhân xuất khẩu nộp chứng từ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) trực tuyến.

### ***2.4. Thực hiện tốt công tác chống gian lận xuất xứ hàng hóa, phòng vệ thương mại***

- Tổ chức thực hiện tốt các quy định, tăng cường quản lý nhà nước về gian lận xuất xứ để đảm bảo các cam kết quốc tế, phát triển bền vững xuất nhập khẩu theo Quyết định 824/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ”; Quyết định 316/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại”; Chương trình tổng thể về sử dụng và ứng phó với các biện pháp PVTM nhằm hỗ trợ phát triển một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025.

- Phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch triển khai Đề án về nâng cao năng lực phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các Hiệp định FTA thế hệ mới và Đề án về nâng cao năng lực phối hợp trong công tác phòng vệ thương mại sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 2074/QĐ-BCT ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Công Thương ban hành Chương trình hành động thực hiện Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về PVTM, trong đó chú trọng hoạt động cung cấp thông tin cảnh báo sớm cho các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội doanh nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án nâng cao năng lực PVTM trong bối cảnh tham gia FTA thế hệ mới và Đề án Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong xử lý vụ việc PVTM sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp. Khắc phục hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến xuất xứ hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa lưu thông trong nước.

- Hoàn thành và phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc chủ động sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại cũng như ứng phó kịp thời với các biện pháp phòng vệ thương mại do nước ngoài áp dụng.

### **2.5. Kiểm soát nhập khẩu**

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại trong nước nhằm tạo cơ hội kết nối giữa các doanh nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu với các doanh nghiệp sử dụng các loại máy móc, thiết bị và hàng hóa này; xây dựng các chương trình khuyến khích người tiêu dùng Việt Nam sử dụng các hàng hóa sản xuất trong nước.

- Theo dõi sát tình hình nhập khẩu, đề xuất triển khai các biện pháp quản lý nhập khẩu phù hợp với các cam kết quốc tế nếu cần thiết, kể cả các biện pháp phòng vệ thương mại.

### **3. Về thị trường trong nước**

### ***3.1. Tiếp tục đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa***

- Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa. Đẩy mạnh thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong tình hình mới; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị.

- Tăng cường gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết chuỗi nhằm kết nối cung cầu, đảm bảo ổn định đầu vào đầu ra. Tăng cường liên kết trong chuỗi cung ứng hàng hóa của các doanh nghiệp phân phối gắn với quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm; liên kết giữa doanh nghiệp bán lẻ với các nhà sản xuất trong việc tạo nguồn hàng sản xuất trong nước với giá cả cạnh tranh, bảo đảm đủ tiêu chuẩn chất lượng có thể thỏa mãn nhu cầu mua sắm tiêu dùng đa dạng và ngày càng cao ở Việt Nam để cung ứng cho các cơ sở bán lẻ nhằm giảm sự phụ thuộc vào hàng cùng loại nhập khẩu.

- Tập trung vào hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa, tập trung trước hết vào các chuỗi cung ứng hàng nông sản thực phẩm thiết yếu của thị trường nội địa. Kết hợp với nghiên cứu cơ cấu lại kinh tế vùng và liên vùng để xây dựng và triển khai thực hiện các đề án phát triển một số chuỗi cung ứng hàng hóa; thu hút và kết nối các cơ sở sản xuất cùng tham gia vào chuỗi, trở thành thành viên của chuỗi.

- Phát triển các phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh thương mại trong nước đa dạng, phù hợp với quá trình phát triển sản xuất và hội nhập của Việt Nam; góp phần gia tăng giá trị thương mại cho sản phẩm, có khả năng gắn kết và thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước, chú trọng phát triển thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống.

- Tiếp tục phát triển đa dạng các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của thị trường trên từng địa bàn (khu vực, vùng, miền và cả nước); hoàn thiện hệ thống chợ truyền thống trên cơ sở nâng cấp các chợ ở khu vực nông thôn, miền núi; khuyến khích phát triển các mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Xây dựng, triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng; phát triển các kênh phân phối, thúc đẩy phát triển mạnh thị trường trong nước. Bảo đảm cân đối cung cầu những mặt hàng thiết yếu.

### ***3.2. Tăng cường công tác quản lý thị trường***

- Tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 15/CT-BCT ngày 30/10/2020 của Bộ Công Thương về thực hiện các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường cuối năm 2020 và Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021; Kế hoạch cao điểm Tết số 17/KH-TCQLTT ngày 24/11/2020 của Tổng cục QLTT về cao điểm kiểm tra, kiểm soát thị trường cuối năm 2020 và trước,

trong, sau Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 và các văn bản chỉ đạo Tết sắp tới của Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia.

- Hoàn thiện trình Chính phủ phê duyệt và thực hiện Chiến lược phát triển lực lượng quản lý thị trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.

- Quán triệt, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, chỉ đạo của Bộ Công Thương và cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

- Chủ động nắm vững diễn biến tình hình hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách để kịp thời phát hiện, nhận diện các vấn đề nổi cộm, các lĩnh vực mặt hàng vi phạm mới nổi để kịp thời đấu tranh ngăn chặn, xử lý có hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử, mạng xã hội (Facebook, Zalo...).

- Triển khai xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật đúng tiến độ theo chương trình; tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung những văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của lực lượng quản lý thị trường.

- Tiếp tục tổ chức công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại trên thị trường tham gia đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả bằng các hình thức đa dạng, thiết thực; thực hiện ký cam kết không kinh doanh hàng giả, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng và kiểm tra đối với những cơ sở kinh doanh đã ký cam kết và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

- Tiếp tục tăng cường phối hợp với các lực lượng chức năng như Hải quan, Biên phòng, Công an, Thanh tra chuyên ngành..., đặc biệt là tập trung chỉ đạo, phối hợp triển khai kịp thời các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo 389 quốc gia giao nhằm bảo đảm sự đồng bộ, tạo được sức mạnh tổng hợp từ Trung ương đến địa phương trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Phối hợp chặt chẽ với các Hiệp hội trong việc cung cấp thông tin để phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục triển khai ký Quy chế phối hợp giữa Tổng cục Quản lý thị trường với các lực lượng chức năng về công tác phối hợp trong đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

#### **4. Phát triển thương mại điện tử, xây dựng Chính phủ điện tử**

- Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 645/QĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2020.

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử.

- Tăng cường tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử về tình hình giải quyết, xử lý thủ tục hành chính có liên quan giữa Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (NGSP).

- Ban hành Kế hoạch Chính phủ điện tử năm 2021 của Bộ Công Thương để tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành, hoàn thiện nền tảng cho phát triển Chính phủ điện tử tại Bộ Công Thương. Xây dựng các hệ thống phục vụ cho công tác Chính phủ điện tử tại Bộ Công Thương theo các Nghị quyết, Kế hoạch về Chính phủ điện tử của Đảng, và Chính phủ trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Chú trọng phát triển hạ tầng thương mại điện tử, xây dựng, hoàn thiện thể chế, khung khổ pháp luật cho thương mại điện tử, tạo môi trường pháp lý minh bạch, rõ ràng, thuận lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam.

- Xây dựng các chương trình tập huấn cho cán bộ quản lý và chương trình chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về thương mại điện tử; Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn cho doanh nghiệp về thương mại điện tử. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử.

- Tăng cường phối hợp, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong thương mại điện tử. Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn cho các cán bộ quản lý nhà nước về thương mại điện tử, các cán bộ thực thi công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong thương mại điện tử; các doanh nghiệp, đặc biệt các chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử, các nhãn hiệu đã được bảo hộ nhằm tạo cơ chế thuận lợi trong việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại cũng như thẩm tra, xác minh và giám định các sản phẩm hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

## **5. Về hội nhập kinh tế quốc tế**

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách để thực hiện đầy đủ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình đã đề ra. Trong việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành cần đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, duy trì ổn định môi trường đầu tư, kinh doanh, không gây xáo trộn, ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp đang hoạt động cũng như các nhà đầu tư mới.

- Kịp thời rà soát, sửa đổi, điều chỉnh, xóa bỏ quy định không phù hợp với các cam kết quốc tế nhằm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong các điều ước quốc tế song phương, khu vực và đa phương mà Việt Nam là thành viên; đồng thời, xem xét điều chỉnh các điều kiện đầu tư, kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực tuy không cam kết mở cửa, hoặc cam kết chặt chẽ hơn quy định pháp luật hiện hành nhưng phù hợp với nhu cầu phát triển và định hướng thu hút đầu tư của nước ta.

- Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết gia nhập WTO và cam kết trong các hiệp định thương mại tự do. Rà soát, đánh giá lộ trình thực hiện

cam kết hội nhập hiện nay và tác động đối với từng ngành để điều chỉnh chiến lược phát triển ngành cho phù hợp. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước chủ động khai thác tối đa thị trường trong nước, tận dụng tốt cơ hội mà việc tham gia WTO và các FTA đem lại để thâm nhập, khai thác thị trường ngoài nước.

- Tập trung triển khai có hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là triển khai Kế hoạch thực thi các Hiệp định FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA... Xây dựng và triển khai Đề án vận hành và nâng cấp Cổng thông tin điện tử về FTA (FTAP) để đem lại lợi ích cao hơn cho cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

- Nâng cao năng lực phòng vệ thương mại để bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam trong quá trình hội nhập, đặc biệt là tham gia các Hiệp định FTA.

- Tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các khuôn khổ hợp tác quốc tế mà ta là thành viên như WTO, ASEAN, ASEM, APEC...; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi; củng cố và nâng cao vai trò của Việt Nam trong cộng đồng khu vực và quốc tế, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế.

- Triển khai tổ chức tốt phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ 2 của Việt Nam, dự kiến diễn ra vào tháng 4 năm 2021.

- Phối hợp chặt chẽ với các thành viên APEC và ASEM trong các vấn đề hợp tác chính sách, xây dựng các sáng kiến và định hướng hợp tác trong giai đoạn mới hậu Covid-19 và tham gia chủ động, tích cực tại các hội nghị trực tuyến nhằm đảm bảo sự hợp tác xuyên suốt, hiệu quả.

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành và đơn vị có liên quan chuẩn bị cho phiên họp cấp Bộ trưởng lần thứ 12 tại WTO (MC 12) vào năm 2021.

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai xây dựng phương án và tham dự các phiên đàm phán tiếp theo trong khuôn khổ Hiệp định FTA giữa Việt Nam và Khối EFTA, FTA giữa Việt Nam và I-xra-en trên cơ sở đảm bảo được các lợi ích cốt lõi của Việt Nam.

- Triển khai các thủ tục cần thiết để phê duyệt và đưa Hiệp định RCEP có hiệu lực. Sẵn sàng triển khai các nội dung công việc liên quan tiếp theo, bao gồm cả công tác phổ biến, tuyên truyền, nhằm thực thi Hiệp định một cách hiệu quả và toàn diện nhất.

## **6. Về các mặt công tác khác**

### **6.1. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nội dung về cải cách hành chính (CCHC)**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành CCHC, kịp thời chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác giải quyết CCHC. Xây dựng và ban hành kịp thời các Kế hoạch thực hiện để cụ thể hóa việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết, Chương trình, Kế

hoạch về CCHC của Chính phủ, đảm bảo phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn tại Bộ Công Thương.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả nhiệm vụ tổng kết chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Công Thương.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ đầu mối về CCHC. Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách cũng như đầu mối về CCHC của Bộ Công Thương.

- Tiếp tục đẩy mạnh đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; đồng thời, kiểm soát chặt chẽ các TTHC ngay từ khi dự thảo các VBQPPL liên quan; thực hiện công bố, công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC mới; tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người dân, tổ chức trong việc tiếp cận, thực hiện các TTHC do Bộ Công Thương cung cấp.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ và Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Bộ Công Thương.

- Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao cho người dân, tổ chức; tăng cường kết nối các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN.

- Tăng cường công tác kiểm tra CCHC các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương. Đẩy mạnh đôn đốc thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ thuộc các Chương trình, Kế hoạch về CCHC, Kiểm soát TTHC và Phương án tổng thể đơn giản hóa TTHC năm 2021 của Bộ Công Thương.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng về tầm quan trọng và mục tiêu, ý nghĩa của công tác CCHC đến từng cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, người lao động thuộc Bộ; đồng thời, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền hoạt động chỉ đạo điều hành; kết quả, tình hình triển khai các Chương trình, nhiệm vụ, đề án lớn thuộc phạm vi chức năng quản lý nói chung và công tác CCHC của Bộ Công Thương nói riêng.

## **6.2. Công tác quản lý cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng**

- Báo cáo Bộ Chính trị, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; kiện toàn, tổ chức bộ máy và nhân sự cho hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để triển khai, thực thi Luật Cạnh tranh năm 2018.

- Hoàn thiện hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; rà soát và đề xuất sửa đổi các quy định của Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Tiếp nhận, điều tra và xử lý các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh để có biện pháp kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp liên quan; xử lý hồ sơ thông báo tập trung kinh tế, tham vấn về việc tập trung kinh tế của các doanh nghiệp theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018.

- Tổ chức, triển khai thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp giai đoạn 2021 - 2025.

- Hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định về Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án Chương trình Doanh nghiệp vì người tiêu dùng và Tổng đài tư vấn người tiêu dùng năm 2021; tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tư vấn, giải quyết yêu cầu, kiến nghị của người tiêu dùng.

### **6.3. Công tác quản lý an toàn và môi trường công nghiệp**

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực an toàn và bảo vệ môi trường ngành Công Thương. Theo đó, triển khai xây dựng: 01 Nghị định quy định về phát triển công nghiệp môi trường và 04 Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với Áptômat phòng nổ 17 sử dụng trong mỏ hầm lò; Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với Khởi động từ phòng nổ sử dụng trong mỏ hầm lò; Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về: Thuốc nổ TNP1; Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói; Mìn phá đá quá cỡ; Thuốc nổ bột không có TNT; Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kiểm định trên cơ sở phân tích rủi ro (RBI) đối với các bình chịu áp lực nhà máy lọc dầu, chế biến khí và các nhà máy đạm.

- Thực hiện các biện pháp tăng cường năng lực quản lý kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường:

+ Kiểm tra, giám sát điều kiện lao động, an toàn, bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường; thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn điện, an toàn đập, quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và khai thác khoáng sản và kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện trách nhiệm kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trước mùa mưa hằng năm theo Điều 17 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ.



- Tiếp tục thực hiện các biện pháp tăng cường năng lực quản lý kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

+ Chỉ đạo các chủ đập, hồ chứa thủy điện tổ chức thu thập thông tin khí tượng thủy văn phục vụ vận hành hồ chứa, kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa đập, thiết bị vận hành đập; lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo xả lũ cho vùng hạ du đập; giám sát vận hành hồ chứa, cảnh báo trước khi xả lũ, phát điện đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng hạ du, vận hành theo quy trình vận hành liên hồ, đơn hồ được phê duyệt, phối hợp với địa phương thực hiện công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong các đợt lũ; xây dựng phương án đảm bảo an toàn công trình, an toàn vùng hạ du và biện pháp ứng phó khi xả lũ khẩn cấp.

+ Chỉ đạo, điều hành đảm bảo cung cấp điện, xử lý sự cố hệ thống điện: An toàn cho nguồn điện, lưới điện, cơ sở công nghiệp; cung cấp điện phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai; xử lý sự cố hệ thống điện do thiên tai; xây dựng và triển khai phương án cung cấp điện cho các hoạt động phòng chống thiên tai ở Trung ương và địa phương.

- Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các nguồn ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

+ Tiếp tục duy trì, triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương và quản lý vận hành và giám sát an toàn hồ chứa quặng đuôi trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; Đề án xây dựng danh mục hàng hóa và dịch vụ của ngành công nghiệp môi trường bổ sung vào hệ thống thống kê về ngành, sản phẩm.

+ Tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai tình hình thực hiện Đề án xử lý, tiêu thụ tro xỉ tại các nhà máy nhiệt điện, hóa chất và phân bón; tình hình thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các đơn vị ngành Công Thương.

+ Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường đến năm 2025 tại Quyết định số 1138/QĐ-BCT ngày 04 tháng 5 năm 2019 (thực hiện Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025").

+ Tổ chức, triển khai công tác truyền thông về bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

#### **6.4. Công tác khoa học và công nghệ**

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, cơ cấu lại các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia theo hướng coi doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo. Phát huy các nguồn lực xã

hội cho nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ cấp quốc gia và cấp Bộ.

- Triển khai mạnh mẽ các nội dung thuộc CMCN 4.0, từng bước xây dựng nền sản xuất thông minh, hình thành các doanh nghiệp số: Nhanh chóng đưa CMCN4.0 trở thành nội dung ưu tiên trong các Chương trình/Đề án khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Bộ, cấp quốc gia; Đánh giá toàn diện về tác động và tính sẵn sàng của các doanh nghiệp trong việc tiếp cận với cuộc CMCN 4.0; đồng thời tiếp tục thực hiện việc đánh giá và xây dựng kế hoạch và lộ trình cho từng ngành/lĩnh vực cụ thể; Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về các nhà máy thông minh, nhà máy số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; Nghiên cứu và làm chủ một số công nghệ của cuộc CMCN 4.0 để ứng dụng vào trong sản xuất công nghiệp.

### **6.5. Công tác tổ chức cán bộ**

- Bám sát tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, kiên quyết thực hiện việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình.

- Thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xây dựng pháp luật, thực thi công vụ và hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ. Rà soát, đánh giá giá, tham mưu với Lãnh đạo Bộ để kịp thời thay thế các cán bộ, công chức trì trệ, cản trở, không hoàn thành nhiệm vụ. Xử lý nghiêm và kịp thời theo quy định của pháp luật các tổ chức và cá nhân có vi phạm trong thực thi công vụ.

- Phối hợp Bộ Nội vụ hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý và các tiêu chí đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm gắn với chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện các đề án phát triển nhân lực của ngành Công Thương, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về đào tạo và phát triển nhân lực quốc gia, đáp ứng yêu cầu nhân lực của ngành; Phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu, các thỏa thuận quốc tế về giáo dục đại học, về giáo dục nghề nghiệp.

### **6.6. Công tác thanh tra**

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Bộ cũng như các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, đặc biệt là các vấn đề được dư luận xã hội quan tâm; Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tăng cường tự kiểm tra nội bộ việc thực hiện các quy định của pháp luật phòng chống tham nhũng; Triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp phòng chống tham nhũng, trong đó chú trọng công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cùng với

việc chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản qui phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, các quy định quản lý, điều hành nội bộ, các quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với số vị trí dễ nảy sinh tham nhũng.

- Chỉ đạo giải quyết những vụ việc về tham nhũng, lãng phí còn tồn đọng hoặc mới phát sinh ở Bộ và tiếp tục thực hiện kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến những tồn tại, yếu kém, khuyết điểm, sai phạm tại một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương, xử lý theo thẩm quyền đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm.

### **6.7. Công tác tài chính, sắp xếp, cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước**

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước gắn với niêm yết trên thị trường chứng khoán; bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước sang SCIC theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2020 về phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020.

- Tổ chức triển khai thực hiện triệt việc tiết kiệm các khoản chi ngân sách, rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài...

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài sản công, nợ công, tăng cường quản lý các quỹ ngoài ngân sách, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc vay, sử dụng vốn vay, trả nợ.

### **6.8. Công tác quản lý khuyến công, cụm công nghiệp và Chương trình nông thôn mới**

- Tổng hợp, rà soát, xây dựng Kế hoạch khuyến công quốc gia năm 2021, tạo tiền đề cho những năm tiếp theo của giai đoạn 2021 - 2025.

- Xây dựng, hoàn thiện Báo cáo đề xuất đầu tư và các văn bản quản lý về Chương trình hạ tầng cụm công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 từ ngân sách Trung ương trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Quản lý thực hiện các đề án khuyến công quốc gia hỗ trợ cụm công nghiệp năm 2021; hướng dẫn, tổng hợp, thẩm định và xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia năm 2022.

- Tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp; Tập huấn, phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật về đầu tư, phát triển cụm công nghiệp.

- Tiếp tục bám sát Chương trình công tác năm 2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Chương trình Nông thôn mới, triển khai có hiệu quả, đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được giao. Tiếp tục triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả thực hiện tiêu chí số 4, số 7 góp phần nâng cao thu nhập và chuyển đổi cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn./.